

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

Số: 3299 /GENCO3-KH

V/v thực hiện công bố thông tin hoạt động của công ty TNHH MTV theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 6 năm 2015

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công văn số 2200/EVN-KH ngày 09/6/2015 về việc thực hiện công bố thông tin hoạt động của công ty TNHH MTV theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT, Tổng Công ty Phát điện 3 đã hoàn thành các nội dung phải công bố trong năm 2013, 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2015; Báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới năm 2015; Báo cáo tiền lương, tiền thưởng năm 2015 như các phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Đính kèm:

- Phụ lục số 1, 2, 3, 4, 5;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014.

Noi nhận:

- Như trên;
- Ông Chủ tịch/Genco 3 (thay báo cáo);
- Ông TGĐ/Genco 3 (thay báo cáo);
- KSV;
- Các Ông PTGĐ/Genco 3;
- TC-KT, TH, PC, TC&NS/Genco 3;
- Lưu: VT, KH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Phúc

PHỤ LỤC SỐ 1

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

Số:/GENCO3-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cục Phát triển doanh nghiệp;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Mã số doanh nghiệp: 3502208399

Địa chỉ liên lạc: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : 064.3876927 Fax: 064.3876930 Email: genco3@evn.com.vn

Website: www.genco3.com

Sau đây chứng nhận: Ông (Bà): Trương Quốc Phúc

Điện thoại liên hệ: 064.3876927 Email: phuctq@genco3.evn.vn

Chức vụ tại doanh nghiệp: Phó TGĐ Kinh tế - tài chính

Là người được Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) ủy quyền làm "Người công bố thông tin" của Tổng Công ty Phát điện 3 theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Phúc



PHỤ LỤC SỐ 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và
Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do
Nhà nước làm chủ sở hữu)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GENCO3-KH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2015

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp đã được Cơ quan
thực hiện quyền chủ sở hữu phê duyệt tại Văn bản số.... ngày.....)

1. Mục tiêu tổng quát

Xác định vai trò, vị trí, định hướng phát triển, nhiệm vụ của Doanh nghiệp trong 05 năm của kỳ kế hoạch.

2. Mục tiêu cụ thể

Doanh nghiệp xác định các chỉ tiêu về sản phẩm, tăng trưởng bình quân, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, lao động, tiền lương, thị trường, xuất khẩu....

3. Kế hoạch triển khai

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính
- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh đến năm cuối kỳ kế hoạch
- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn kỳ kế hoạch
- Kế hoạch và kết quả đầu tư đến năm cuối kỳ kế hoạch.

4. Các giải pháp thực hiện

- 4.1. Giải pháp về tài chính
- 4.2. Giải pháp về sản xuất
- 4.3. Giải pháp về marketing
- 4.4. Giải pháp về nguồn nhân lực
- 4.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật
- 4.6. Giải pháp về quản lý và điều hành.
- 4.7. Giải pháp khác

BIỂU KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KỲ KẾ HOẠCH

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1		
	- Sản lượng 2		
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (<i>nếu có</i>)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
7	Kim ngạch xuất khẩu (<i>nếu có</i>)	1000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

PHỤ LỤC SỐ 3

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP - NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GENCO3-KH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2015

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2015 đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua tại Quyết định 07/QĐ-EVN ngày 07/01/2015.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm trước

1.1. Đánh giá khái quát về thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm trước

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, nhu cầu tiêu thụ điện năng tiếp tục gia tăng. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm năm 2014 của cả nước tiếp tục đạt cao, cụ thể tổng lượng điện thương phẩm đạt 128,43 tỷ kWh, tăng hơn kế hoạch gần 2 tỷ kWh và tăng trưởng 11,41% so với năm 2013. Nhận thấy được những thuận lợi và khó khăn ngay từ đầu năm 2014 Tổng Công ty Phát điện 3 đã chủ động nhìn nhận, đánh giá tình hình và có giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quản lý điều hành, đưa ra các giải pháp hợp lý trong sản xuất kinh doanh. Với sự đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Tổng Công ty Phát điện 3 đã vượt qua khó khăn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra với các kết quả nổi bật như sau: Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn - liên tục - kinh tế; sản lượng điện sản xuất vượt kế hoạch được giao; thực hiện công tác đầu tư xây dựng vượt kế hoạch góp phần đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội và sinh hoạt của nhân dân đặc biệt là cung ứng đủ điện cho khu vực miền Nam.

1.2. Ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước: sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

Số	Nội dung	ĐVT	Năm 2014	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	tỷ kWh	20,401	Bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	24.464	
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	230	
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	1.184	

1.3. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

- **Dự án Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát: Đã bàn giao về EVN từ ngày 01/11/2014.**
 - + Dự án Thủy điện Huội Quảng: Hoàn thành mục tiêu chống lũ năm 2014 an toàn, cơ bản đáp ứng tiến độ xây dựng đề ra, một vài hạng mục còn chậm tiến độ do điều kiện địa chất phức tạp nên phải thay đổi thiết kế, các bên liên quan đang tập trung đưa ra giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án.
 - + Dự án Thủy điện Bản Chát: Hoàn thành công tác xử lý tồn tại để nghiệm thu bàn giao dự án.
- **Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2:**
 - Tổ máy 1: Đã triển khai thử nghiệm đạt các mốc tiến độ trọng tâm như sau:

- Ngày 15/01/2014: Hòa điện lần đầu vào lưới điện Quốc gia.
 - Ngày 13/11/2014: Hoàn thành vận hành tin cậy (RTR).
 - Ngày 01/01/2015: Hoàn thành thử nghiệm đo hiệu suất (Performance Test).
- **Tổ máy 2:**
 - Ngày 07/9/2014: Hòa điện lần đầu vào lưới điện Quốc gia.
 - Ngày 22/12/2014: Bắt đầu chạy tin cậy, dự kiến sẽ hoàn tất chạy tin cậy vào ngày 21/1/2015. sau đó dừng kiểm tra và tiến hành thử nghiệm đo hiệu suất trong đầu tháng 02/2015
- **Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân:** Tiến độ thực hiện các hạng mục công trình thuộc Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân cơ bản đáp ứng yêu cầu.
- **Dự án Cảng than TTĐL Vĩnh Tân:** Công tác nạo vét vẫn đang thực hiện do gấp phải đá ngầm và đang bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục xin phép công bố cảng.
- **Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4:** Khởi công ngày 09/3/2014, tiến độ thi công đáp ứng theo tiến độ yêu cầu.
- **Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1:** Đáp ứng tiến độ năm 2014; đã hòa điện lần đầu tổ máy 1 vào lúc 19g12 ngày 06/01/2015.
- **Dự án Nhiệt điện Thái Bình:** Khởi công ngày 22/02/2014, tiến độ thi công đáp ứng theo tiến độ yêu cầu.

1.4. Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp:

Thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã và đang thực hiện sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp như sau:

- Tổng Công ty Phát điện 3 được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban QLDA nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số CTCP Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
- Ngày 01/01/2013 tiếp nhận quyền điều hành từ EVN; ngày 26/4/2013 EVNGENCO 3 được chuyển chủ đầu tư dự án, lao động từ EVN và đã thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm của chủ đầu tư đối với các dự án/công trình. Từ khi đi vào hoạt động, EVNGENCO 3 đã thành lập thêm 03 đơn vị trực thuộc là: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình (năm 2013) và Công ty Nhiệt điện Mông Dương (năm 2014), đầu tư góp vốn và liên doanh thành lập Công ty Dịch vụ Năng lượng ALSTOM PMTP (công ty liên kết), thành lập Ban KSNB Tổng Công ty Phát điện 3.
- Bàn giao 02 đơn vị từ Tổng Công ty về lại EVN là Ban QLDA Thuỷ điện 1 và Công ty TD Huội Quǎng - Bản Chát từ ngày 01/11/2014.
- Chuyển chủ đầu tư từ Tổng Công ty về lại EVN Dự án NMND Vĩnh Tân 4 từ ngày 01/5/2015.
- Về công tác cổ phần hóa: Thực hiện theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương, Tổng Công ty đã và đang bám sát kế hoạch, tiến độ để thực hiện.
- Ban hành thống nhất Quy chế/Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc và thống nhất cơ cấu tổ chức tại các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty. Định hướng thống nhất mô hình tổ chức của các CTCP theo khối (thủy điện và nhiệt điện).
- Đã ban hành và triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động đến năm 2015 theo Quyết định số 4729/QĐ-GENCO 3 ngày 10/9/2014, theo đó Tổng Công ty đã trình EVN Đề án thành lập Công ty Dịch vụ sửa chữa, đã và đang xây dựng Đề án tách để thành lập lại Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.

1.5. Thuận lợi, khó khăn

Thuận lợi:

- Được các cấp có thẩm quyền và Tập đoàn Điện lực Việt Nam quan tâm, hỗ trợ Tổng Công ty.
- Nhu cầu tiêu thụ điện năng được đánh giá tiếp tục gia tăng trong năm 2015 và những năm tiếp theo.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng Công ty được sắp xếp tinh gọn; nguồn nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn, làm việc bài bản.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới biến động phức tạp, kinh tế trong nước tăng trưởng chưa bền vững.
- Giá nguyên liệu đầu vào (khí, than) tiếp tục tăng theo lộ trình trong năm 2015 và những năm tiếp theo.
- Tình hình thủy văn dự báo kém thuận lợi trong năm 2015.
- Tổng Công ty vừa ổn định tổ chức, hoạt động, lại thực hiện CPH Công ty mẹ theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương; việc thay đổi liên tục cơ cấu tổ chức phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.
- Hầu hết, các đơn vị của Tổng Công ty đều nằm trong khu vực xa xôi, hẻo lánh nên việc thu hút nguồn nhân lực lao động là hết sức khó khăn.
- Tổng Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động nên khó khăn trong việc tiếp cận các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay đầu tư cho các dự án nguồn điện mới.
- Thị trường điện còn trong giai đoạn hoàn thiện, giá điện chưa tạo được thu hút với nhà đầu tư vào lĩnh vực phát triển nguồn điện mới.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm tiếp theo

- Đánh giá, dự báo, nhận định về tình hình thị trường, những yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp

Năm 2015, dự báo phụ tải hệ thống điện đạt khoảng 26.000 MW, nhu cầu sử dụng điện của các nghành sản xuất kinh doanh có thể tăng cao so với dự kiến. Tập đoàn Điện lực Việt Nam phấn đấu sản lượng điện thương phẩm đạt 141,8 tỷ kWh, tăng 10,4% so với năm 2014. Trước những nhiệm vụ kế hoạch được đề ra, Tổng Công ty nhận thấy những yếu tố như: tình hình cung cấp khí không ổn định, nguồn cung cấp than trong nước còn nhiều khó khăn, các tổ máy mới đưa vào vận hành chưa hoạt động ổn định, tình hình thủy văn dự báo kém thuận lợi, cần đổi nguồn vốn cho các dự án đầu tư, biến động của thị trường tiền tệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2015.

- Mục tiêu, định hướng phát triển của năm

- + Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn - liên tục - kinh tế.
- + Thực hiện chào giá trong thị trường điện có hiệu quả.
- + Sản xuất và kinh doanh có lợi nhuận, cân bằng tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.
- + Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công.Tìm kiếm địa điểm đầu tư dự án Nhiệt điện mới ở khu vực Miền Nam, trước mắt là tại TTDL Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- + Triển khai công tác cổ phần hóa theo kế hoạch.
- + Từng bước nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp hiện đại.
- + Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, trong đó tập trung giữ ổn định hoạt động của các đơn vị thành viên, từng bước tiêu chuẩn hóa và thống nhất áp dụng các quy chế, quy định trong Tổng Công ty.
- + Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

- + Sản lượng điện sản xuất: 24.459 triệu kWh (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc)
- Doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thực hiện nhiệm vụ công ích, kim ngạch xuất khẩu...
- + Kế hoạch doanh thu: 24.992 tỷ đồng
- + Kế hoạch lợi nhuận: 350 tỷ đồng
- + Kế hoạch nộp ngân sách: 1.065 tỷ đồng
- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn kỳ kế hoạch
- Kế hoạch và kết quả đầu tư đến năm cuối kỳ kế hoạch.

Trong năm 2015, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện các dự án trong năm 2014 đang thực hiện, nhu cầu vốn đầu tư thuần dự kiến cho các công trình trong năm 2015 là 24.132,480 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Số	Tên công trình	KH 2015	Ghi chú
TỔNG CỘNG		24.132,48	
I	Trả nợ gốc và lãi vay	4.418,97	
II	Đầu tư thuần:	19.713,51	
1	Nhiệt điện Mông Dương 1	4.729,23	
2	Nhiệt điện Thái Bình	5.395,45	
3	Các công trình thuộc TTĐL Vĩnh Tân	9.370,61	
	- Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân	445,04	
	- Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1.533,07	
	- Cảng than	278,41	
	- Dự án Vĩnh Tân 4	7.114,09	
4	Các công trình khác của Phú Mỹ	26,38	
5	Thủy điện Buôn Kuôp	91,77	
6	Thủy điện Buôn Tua Srah	56,18	
7	Thủy điện Srêpôk 3	43,89	

3. Các giải pháp thực hiện:

- **Giải pháp trong sản xuất kinh doanh và nâng cao NSLĐ**
 - + Lựa chọn phương thức vận hành hợp lý để tăng hiệu suất, tiết kiệm nhiên liệu và tỷ lệ điện tự dùng.
 - + Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện xử lý kịp thời các bất thường, đảm bảo công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên đạt chất lượng để đảm bảo các tổ máy sẵn sàng đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống.
 - + Thực hiện phục hồi, cải tiến và nâng cấp các thiết bị, hệ thống của các nhà máy điện để nâng cao độ an toàn, ổn định và tin cậy.
 - + Có chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh phù hợp để đạt danh thu cao nhất.
 - + Thực hiện thanh xử lý vật tư thiết bị tồn đọng, kém phẩm chất; thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm tồn kho, tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn.
 - + Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý các nhà máy điện và nâng cao trình độ công nghệ thông tin để nâng cao hiệu suất lao động.
 - + Tiếp tục đẩy mạnh công tác điều chuyển lao động trong Tổng Công ty; hoàn thiện bản mô tả công việc; tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ.
- **Giải pháp về đảm bảo tài chính**
 - + Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Thực hiện việc chuyên môn hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
 - + Chỉ đạo, thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành theo đúng quy định của nhà nước, đặc biệt là các công trình nguồn điện lớn để đưa vào hạch toán tăng tài sản và trích khấu hao.
 - + Tăng cường quản lý tồn kho, thực hiện tốt thanh xử lý công nợ, vật tư thiết bị ứ đọng và tài sản kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng.
 - + Đảm bảo cấp phát vốn kịp thời cho các đơn vị để không ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh và tiến độ dự án.
- **Giải pháp cho công tác đầu tư xây dựng**
 - + Tiếp tục nâng cao năng lực của các Ban QLDA; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo Quy chế phân cấp quyết định đầu tư của Tập đoàn; điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.

- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư từ khâu chuẩn bị, lập dự án đầu tư, thẩm định phê duyệt: chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, phương án lựa chọn công nghệ, tổng mức đầu tư, tổng dự toán của từng dự án.
- + Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí được giao.
- + Giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong quá trình xây dựng tại công trường nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.
- + Giải ngân, thanh toán kịp thời các khối lượng nghiêm thu đạt yêu cầu.
- + Đôn đốc công tác quyết toán công trình, hạng mục khi hoàn thành.

BIỂU SÓ 1: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Ước thực hiện năm trước năm báo cáo - Năm 2014	Kế hoạch năm báo cáo - Năm 2015
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
1.1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	20.401	24.459
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	24.464	24.992
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	230	350
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.184	1.065
5	Kim ngạch xuất khẩu (<i>nếu có</i>)	1000 USD		
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (<i>nếu có</i>)			
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	25.293	24.132
7.1	- Nguồn ngân sách	"		
7.2	- Vốn vay	"	22.694	18.899
7.3	- Vốn khác	"	2.599	5.233
8	Tổng lao động	Người	960	1.254
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	217,1635	299,834
9.1	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,2615	4,464
9.2	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	212,902	295,370

PHỤ LỤC SỐ 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HÀNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHD&T ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

Số:/GENCO3-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2015

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Năm báo cáo: Năm 2014

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập.

Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 trên cơ sở tổ chức sáp xếp lại Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ, các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban QLDA nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số CTCP Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2014): **12.618 tỷ đồng**

- Các sự kiện khác: Chuyển 02 đơn vị về lại EVN quản lý là Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát từ ngày 01/11/2014.

2. Quá trình phát triển

- Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

- + Sản xuất kinh doanh điện năng, cơ khí động lực.
- + Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện.

- Mục tiêu kinh doanh

- + Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế.
- + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện Quốc gia.
- + Thực hiện đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện, đảm bảo các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.

- Ngành, nghề kinh doanh chính.

- + Sản xuất và kinh doanh điện năng, cơ khí động lực.
- + Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện
- + Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện, thí nghiệm điện.
- + Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình, tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.
- + Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện...

- Quy chế hoạt động (Liệt kê điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành).

STT	Điều lệ/ Quy chế	Số Quyết định ban hành	Ngày ban hành/ hiệu lực
1	Điều lệ tổ chức và hoạt động của GENCO3 được phê duyệt theo Quyết định số 740/QĐ-EVN ngày 05/11/2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Đã ban hành điều lệ mới trong năm 2015)	740/QĐ-EVN	05/11/2012
2	Quy chế Quản lý việc ký kết và thực hiện hợp đồng trong EVNGENCO 3	4040/QĐ-GENCO3	08/5/2014
3	Quy định xây dựng, ban hành và quản lý các Quy chế quản lý nội bộ trong EVNGENCO 3	4062/QĐ-GENCO3	08/5/2014
4	Quy định giám sát và đánh giá đầu tư của EVNGENCO 3	4050/QĐ-GENCO3	08/5/2014
5	Quy định về thi và xếp lương nâng ngạch chuyên môn, nghiệp vụ trong EVNGENCO 3	4043/QĐ-GENCO3	08/5/2014
6	Quy chế xử lý kỷ luật cán bộ trong EVNGENCO 3	4038/QĐ-GENCO3	08/5/2014
7	Quy chế tuyển dụng của EVNGENCO 3	4646/QĐ-GENCO3	09/6/2014
8	Quy chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của EVNGENCO 3	4650/QĐ-GENCO3	09/6/2014
9	Quy chế về công tác cán bộ trong EVNGENCO 3	4648/QĐ-GENCO3	09/6/2014
10	Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo EVNGENCO 3 về phòng, chống tham nhũng	4044/QĐ-GENCO3	05/8/2014
11	Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí	4653/QĐ-GENCO3	06/9/2014
12	Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước, EVN và EVNGENCO 3	4649/QĐ-GENCO3	06/9/2014
13	Quy chế thi đua, khen thưởng trong EVNGENCO 3	4644/QĐ-GENCO3	06/9/2014
14	Quy chế về công tác đấu thầu trong EVNGENCO 3	6366/QĐ-GENCO3	26/11/2014
15	Quy định quản lý công nợ áp dụng trong EVNGENCO 3	7082/QĐ-GENCO3	27/12/2014

3. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- + Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế.
- + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện Quốc gia.
- + Thực hiện đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện, đảm bảo các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.
- + Đảm bảo Quản lý vốn và Người đại diện có chất lượng, hiệu quả tại các Công ty con, Công ty liên kết.
- + Bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Tổng Công ty.

- Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- + Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công.Tìm kiếm địa điểm đầu tư dự án Nhiệt điện mới ở khu vực Miền Nam, trước mắt là tại TTĐL Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG - Năm 2014

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm,...).
- Tổng lợi nhuận năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3 là **230.302 triệu đồng**, trong đó:
 - + Lợi nhuận hoạt động điện là **146.891 triệu đồng**.
 - + Lợi nhuận khác là **83.411 triệu đồng**.
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch).

Tổng lợi nhuận năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3 là **230.302 triệu đồng**, trong đó lợi nhuận hoạt động điện là **146.891 triệu đồng**, đạt 107,22% lợi nhuận kế hoạch.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuận lợi:

- Được các cấp có thẩm quyền và Tập đoàn Điện lực Việt Nam quan tâm, hỗ trợ Tổng Công ty.
- Nhu cầu điện năng tiếp tục gia tăng trong năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng Công ty được sắp xếp tinh gọn.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới biến động phức tạp, kinh tế trong nước tăng trưởng chưa bền vững.
- Giá nguyên liệu đầu vào (khí, than) tiếp tục tăng theo lộ trình trong năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Tình hình Thủy văn khó khăn làm giảm sản lượng của các nhà máy Thủy điện.
- Việc thay đổi liên tục cơ cấu tổ chức phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.
- Tổng Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động nên khó khăn trong việc tiếp cận các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay đầu tư cho các dự án nguồn điện mới.
- Thị trường điện còn trong giai đoạn hoàn thiện, giá điện chưa tạo được thu hút với nhà đầu tư vào lĩnh vực phát triển nguồn điện mới.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

Nghành điện là một trong những nghành kinh tế trọng điểm của đất nước, nhận được nhiều sự quan tâm của Nhà nước. Tốc độ phát triển của ngành luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 2 lần. Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện còn tăng cao và cung vẫn không đáp ứng đủ cầu nên việc đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện là hết sức cần thiết. Tổng Công ty Phát điện 3 định hướng trong những năm tới sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư nguồn điện mới đặc biệt là đầu tư cho khu vực miền Nam.

III. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN - Năm 2014

1. Về việc báo cáo tài chính

- Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ.

Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ: Tổng Công ty Phát điện 3 áp dụng chế độ kế toán cho các GENCO theo văn bản 4984/EVN-TCKT ngày 28/12/2012 của Tập đoàn được xây dựng trên cơ sở chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản số 8802/BTC-CĐKT ngày 02/07/2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến công tác chế độ tài chính kế toán.

- Tình hình kiểm toán nội bộ (có bộ phận kiểm toán hay không).

2. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các nhận xét đặc biệt.

3. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ.

- Các nhận xét đặc biệt.

BIỂU SÓ 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM (chi tiết xin xem đính kèm)

(Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

IV. CÁC CÔNG TY CON DO DOANH NGHIỆP NĂM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

- Danh sách các công ty do doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.

- + CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
- + CTCP Nhiệt điện Ninh Bình

- Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.

- + Tổng Công ty Phát điện 3 có khoản đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 31/12/2014 là 481.236 triệu đồng (tương đương 79,56%) và Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình là 70.454 triệu đồng (tương đương 54,76%).
- + Trong năm 2014, lợi nhuận thu được từ cổ tức của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa là 38.499 triệu đồng và Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình là 9.159 triệu đồng.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này.

Tình hình tài chính năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
Tổng doanh thu	2.237.828	986.295
Tổng chi phí	2.071.457	928.531
Lợi nhuận trước thuế	166.371	57.764
Lợi nhuận sau thuế TNDN	133.513	45.068

BIỂU SÓ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON NĂM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do Doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2) - không có			
2	Các công ty con do Doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (cấp 2)			
2.1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	604,856	79,56	481,236
2.2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	128,655	54,76	70,454

V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức bổ nhiệm, công việc quản lý được giao.

- Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO 3 gồm:

- + Chủ tịch Tổng Công ty.
 - + Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc.
 - + KSV (01 KSV chuyên trách và 02 KSV kiêm nhiệm).
 - + Văn phòng Cơ quan EVNGENCO 3 bao gồm 12 Ban chức năng và 05 Phân xưởng sản xuất quản lý 04 nhà máy điện Phú Mỹ với tổng công suất 2.540 MW.
 - + Các đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết.
- Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc trong kỳ ánh hưởng đến doanh nghiệp như các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nêu số Quyết định/ Nghị quyết và tóm tắt nội dung Quyết định/Nghị quyết).

Các Quyết định/Nghị quyết của Chủ tịch EVNGENCO 3 năm 2014

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	220/NQ-GENCO3	16/01/2014	Nghị quyết về việc thông qua phương án Nhân sự điều động và bổ nhiệm Giám đốc Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
2	293/NQ-GENCO3	20/01/2014	Nghị quyết về việc thông qua phương án Nhân sự điều động và bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình
3	805/QĐ-GENCO3	20/01/2014	Quyết định về việc mua dầu HFO phục vụ vận hành thử nghiệm tổ máy 1 Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
4	418/NQ-GENCO3	25/01/2014	Nghị quyết về việc thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm cấp Tổng Công ty quản lý
5	780/CT-GENCO3	20/02/2014	Chỉ thị về mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng của EVNGENCO 3 năm 2014 đến năm 2020
6	1278/QĐ-GENCO3	19/03/2014	Quyết định về việc quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác thực hiện năm 2013
7	1520/QĐ-GENCO3	31/03/2014	Quyết định về việc quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2013 của Cơ quan Tổng Công ty
8	2565/QĐ- GENCO3	23/05/2014	Quyết định về việc tạm giao quỹ tiền lương 6 tháng đầu năm 2014 cho các đơn vị sản xuất điện trực thuộc EVNGENCO3
9	2675/QĐ- GENCO3	29/05/2014	Quyết định về việc phê duyệt điều kiện vay lại khoản vay Kexim cho Dự án NMNĐ Mông Dương
10	3069/CT-GENCO3	18/06/2014	Chỉ thị Đổi với Người đại diện phần vốn của EVNGENCO3 tại Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh về dự án Thủy điện Thượng Kotum
11	3316/CT-GENCO3	02/7/2014	Chỉ thị về việc lập danh sách các nhà cung cấp hàng hóa, vật tư, thiết bị, nguyên liệu cho Tổng Công ty
12	3503/QĐ-GENCO3	10/7/2014	Quyết định về việc ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với Công ty tài chính CP điện lực (Hợp đồng số 041/2014/EVNFC-PMYPP/TGCKH)
13	3532/QĐ-GENCO3	10/7/2014	Quyết định về việc giao TGĐ triển khai thực hiện các kiến nghị của Ban KSNB Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	4186/QĐ-GENCO3	14/8/2014	Quyết định về việc giao TGĐ triển khai thực hiện các thủ tục có liên quan để bán 01 Bộ phân phối Gas nhiên liệu (Gas Distribution).
15	3786/QĐ-GENCO3	24/07/2014	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuẩn bị tổ công tác CPH của Tổng Công ty Phát điện 3
16	3888/CT-GENCO3	30/07/2014	Chỉ thị Đổi với Người đại diện Phần vốn của EVNGENCO3 tại Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh về giải pháp đàm bảo tiến độ Dự án Thủy điện Thượng KonTum
17	4036/QĐ-GENCO3	05/08/2014	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo CPH Tổng Công ty Phát điện 3
18	4040/QĐ- GENCO3	05/08/2014	Quyết định ban hành Quy chế quản lý việc ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng trong EVNGENCO3
19	4047/QĐ- GENCO3	05/08/2014	Quyết định về việc ban hành Quy định làm việc của Ban chỉ đạo xây dựng giá và đàm phán hợp đồng mua, bán nguyên nhiên liệu sản xuất kinh doanh điện của EVNGENCO3
20	4031/QĐ-GENCO3	21/08/2014	Quyết định về việc phê duyệt các điều kiện cơ bản của Hợp đồng tín dụng thương mại vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
21	4437/QĐ- GENCO3	28/08/2014	Quyết định về việc duyệt phụ lục hợp đồng 04-Hiệu chỉnh Hợp đồng EPC - Dự án NMND Mông Dương 1
22	4643/QĐ-GENCO3	06/09/2014	Quyết định ban hành Quy định lập kế hoạch Tài chính của Tổng Công ty Phát điện 3
23	4719/QĐ-GENCO3	10/09/2014	Quyết định phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu số 5 : Tư vấn thực hiện kế hoạch hành động về môi trường và xã hội phục vụ vay vốn dự án NMND Vĩnh Tân 4
24	4727/QĐ-GENCO3	10/09/2014	Quyết định về việc phê duyệt một số điều kiện vay cơ bản của Hợp đồng vay phần công nợ tạm ứng vốn đầu tư năm 2013 và vốn thiêu năm 2014 từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam
25	4729/QĐ-GENCO3	10/09/2014	Quyết định về việc phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả công tác quản lý lao động Tổng Công ty Phát điện 3 từ nay đến năm 2015
26	5407/QĐ-GENCO3	15/10/2014	Quyết định về việc thông qua phụ lục hợp đồng mua vật tư nhập khẩu và thuê chuyên gia với Nhà thầu MHPS/ITC
27	5534/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 của Tổng Công ty Phát điện 3
28	5535/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Cơ quan EVNGENCO3.
29	5536/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Công ty Thủy điện BuônKuốp
30	5537/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Công ty Thủy điện Huội Quảng- Bản Chát
31	5538/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			cho Ban quản lý Dự án Nhiệt điện 1.
32	5539/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Ban quản lý Dự án Thủy điện 1.
33	5540/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân.
34	5541/QĐ-GENCO3	21/10/2014	Quyết định về việc phân phối quỹ phúc lợi năm 2013 cho Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
35	5590/QĐ-GENCO3	23/10/2014	Quyết định phê duyệt Đề cương Dự toán chi phí Tư vấn lập kế hoạch hành động về môi trường xã hội giai đoạn 2- Dự án NMND Vĩnh Tân 4
36	5696/NQ-GENCO3	28/10/2014	Nghị quyết về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ
37	5901/QĐ-GENCO3	05/11/2014	Quyết định chi trả thù lao cho người đại diện, thành viên BKS kiêm nhiệm năm 2013 của TCT tại Công ty, công ty liên kết năm 2013
38	6005/NQ-GENCO3	10/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015
39	6007/QĐ-GENCO3	04/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt dự toán chi phí nhiên liệu phục vụ chạy thử nghiệm - Dự án NMND Mông Dương 1
40	6029/NQ-GENCO3	11/11/2014	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
41	6051/NQ-GENCO3	12/11/2014	Quyết định về việc thành lập 05 Nhóm công tác CPH của Tổng Công ty Phát điện 3.
42	6222/QĐ-GENCO3	20/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt bổ sung hạng mục san gạt mặt bằng các khu vực còn lại của - Dự án NMND Vĩnh Tân 2 và Cầu vượt hầm chui mở rộng Quốc lộ 1A vào cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân
43	6309/QĐ-GENCO3	25/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt dự toán chi phí nhiên liệu than cám 6AHG phục vụ nhiệm thu chạy thử Tô máy số 1&2 dự án NMND Vĩnh Tân 2
44	6384/QĐ-GENCO3	27/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Gói thầu : Cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015
45	6385/QĐ-GENCO3	27/11/2014	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu - Gói thầu : Cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015
46	6501/QĐ-GENCO3	02/12/2014	Quyết định về việc phê duyệt kiểm soát tiến độ tő máy 1 cấp Chủ đầu tư - Dự án NMND Vĩnh Tân
47	6600/QĐ-GENCO3	08/12/2014	Quyết định về việc Ban chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
48	6601/QĐ-GENCO3	08/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác Tổng hợp giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
48	6602/QĐ-GENCO3	08/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác về tổ chức bộ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			máy giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
49	6603/QĐ-GENCO3	08/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác về đầu tư xây dựng giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
50	6604/QĐ-GENCO3	09/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác về tài chính, vật tư, tài sản giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
51	6605/QĐ-GENCO3	09/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác về vận hành sản xuất điện giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
52	6606/QĐ-GENCO3	09/12/2014	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác về lao động tiền lương giúp việc ban chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Tổng Công ty Phát điện 3
53	6704/QĐ-GENCO3	11/12/2014	Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá năng lực nhà thầu cho nhà thầu EPC Dự án Nhiệt điện do EVNGENCO3 làm chủ đầu tư
54	6719/QĐ-GENCO3	11/12/2014	Quyết định về việc phê duyệt dự toán hiệu chỉnh chi phí nhiên liệu đá vôi phục vụ chạy thử nghiệm - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương
55	6801/QĐ-GENCO3	16/12/2014	Quyết định về việc hiệu chỉnh chương trình, nhiệm vụ kiểm soát năm 2014
56	6861/QĐ-GENCO3	17/12/2014	Quyết định về việc thông qua Đơn hàng số 02-14/LTRSA phục hồi công tơ gas (Gas Flow Meter) sử dụng cho thanh tra A Tổ máy GT 22 năm 2015
57	6999/QĐ-GENCO3	25/12/2014	Quyết định về việc thông qua giá điện năm 2014 của các Nhà máy điện Phú Mỹ
58	7025/QĐ-GENCO3	26/12/2014	Quyết định về việc ký Biên bản thỏa thuận nhận lại nợ vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giảm dòng ngắn mạch
59	7027/QĐ-GENCO3	31/12/2014	Quyết định về Hợp đồng tín dụng thương mại vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
60	7151/QĐ-GENCO3	31/12/2014	Quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 của CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh

BIỂU SÓ 3: THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
I. Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty)						
1	Nguyễn Văn Lê	Chủ Tịch Công ty	Không có	- Tiến sĩ Kỹ thuật hệ thống điện - Thạc sĩ hệ thống điện. - Cử nhân vật lý chuyên ngành Điện tử Hạt Nhân - Cử nhân QTKD	Quản trị kinh doanh; quản lý vận hành NMD; quản lý dự án đầu tư nguồn điện.	- Phó Giám đốc Trung tâm Thị nghiệm điện 3 - Phó trưởng Ban QLDA Thủy điện 3 kiêm Trưởng Ban chuẩn bị sản xuất các NMD trên sông Vu Gia - Thu Bồn. - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.
II. TGĐ hoặc GĐ						
1	Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc Công ty	Không có	- Thạc sĩ QTKD - KS Hệ thống điện	Quản trị kinh doanh; quản lý vận hành NMD; quản lý dự án đầu tư nguồn điện.	Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
III. Phó TGĐ hoặc PGĐ						
1	Trương Quốc Phúc	Phó Kinh chính	TGDHQT (kiêm tế-Tài nhiệm)-CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	- Cử nhân Tài chính - Kế toán - Đã hoàn thành khóa học QTKD	Tài chính, kế toán, kế hoạch, giá và thị trường điện	KTT, Phó Giám đốc, Chủ tịch Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
2	Phan Xuân Thanh	Phó TGĐ Kỹ thuật-Sản xuất	Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)-CTCP Đầu tư và PTĐiện Sê san 3A	- Thạc sĩ QTKD - Kỹ sư Thiết bị điện	Quản lý vận hành, KT-SX, kế hoạch, tổ chức, nhân sự	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
3	Lê Văn Danh	Phó TGĐ	Thành viên	- Thạc sĩ	Quản lý vận	Phó Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
		Đầu tư-Xây dựng	HĐQT (kiêm nhiệm)-CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	QTKD. Kỹ sư Điện-Điện tử	hành NMĐ, quản lý dự án điện Phú Mỹ nguồn điện, kế hoạch	Công ty Nhiệt
4	Nguyễn Thanh Trung Dương	Phó TGĐ Kinh doanh Thị trường điện	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)-CTCP Thủy điện Thác Bà	Kỹ sư Kỹ thuật điện	Quản lý vận hành NMĐ, thi công đường dây, quản lý dự án nguồn điện, sửa chữa	- Giám đốc Trung tâm Bảo trì thủy điện A Vương. Công ty CP thủy điện A Vương.
5	Cao Minh Trung	Phó Sản xuất Phú Mỹ	Thành viên HĐTV (kiêm nhiệm)-Công ty TNHH DV Năng lượng ALSTOM-PMTP	Thạc sỹ QTGD Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	Quản lý công tác sửa chữa, quản lý vận hành NMĐ	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
IV. Kế toán trưởng						
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng Tổng Công ty	Không có	- Thạc sỹ QTGD - Cử nhân chính, quản trị kinh doanh	Quản lý tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh nghiệp	KTT Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ

2. Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Danh sách thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát/Kiểm soát viên.

- Kiểm soát viên của EVN tại GENCO 3
 - Phạm Hùng Minh - Kiểm soát viên chuyên trách.
 - Vũ Thế Vinh - Kiểm soát viên kiêm nhiệm.
 - Võ Việt Dũng - Kiểm soát viên kiêm nhiệm.
- Thành viên ban kiểm soát do EVNGENCO 3 cử tại các Công ty con, Công ty liên kết (kiêm nhiệm):
 - Nguyễn Thị Hường - Phó Trưởng ban TC-KT- Trưởng ban Kiểm soát tại CTCP Nhiệt điện Bà Rịa.
 - Nguyễn Thị Tường Vi - Phó Trưởng phòng TC-KT, Ban TC-KT - Trưởng ban Kiểm soát tại CTCP Nhiệt điện Ninh Bình.
 - Vũ Phương Thảo - Phó Trưởng ban TC-KT- Thành viên Ban Kiểm soát tại CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
 - Nguyễn Minh Phương - Trưởng phòng TC-KT, Ban TC-KT- Trưởng ban Kiểm soát tại CTCP Thủy điện Thác Bà.
 - Nguyễn Thái Tịnh - Phó Trưởng ban ĐT-XD- Thành viên BKS tại CTCP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A.

3. Thủ lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích và tổng chi phí (nếu có) cho từng thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc.

STT	Chức danh	Tiền lương, thù lao, tiền thưởng ATĐ thực hiện năm 2014 (ngàn đồng)			
		Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Quỹ thưởng ATĐ	Tổng cộng
1	Chủ tịch	558.000		62.060	620.060
2	Tổng Giám đốc	540.000		59.428	599.428
3	Phó Tổng Giám đốc	486.000		58.231	544.231
4	Phó Tổng Giám đốc	486.000		55.599	541.599
5	Phó Tổng Giám đốc	486.000		55.599	541.599
6	Phó Tổng Giám đốc	486.000		55.599	541.599
7	Phó Tổng Giám đốc	486.000		55.599	541.599
8	Kiểm soát viên chuyên trách	283.500		-	283.500
9	Kế toán trưởng	450.000		52.966	502.966
10	Kiểm soát viên kiêm nhiệm		60.750	-	60.750
11	Kiểm soát viên kiêm nhiệm		60.750	-	60.750
12	Tổng Cộng	4.261.500	121.500	455.081	4.838.081

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Liệt kê các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp (nếu có).
- + Tổng Công ty đã ban hành Văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty, và ban hành Quy tắc ứng xử tại Cơ quan Tổng Công ty. CBCNV đã và đang không ngừng phấn đấu, nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững cùng hướng tới mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam và khu vực; Duy trì sứ mệnh của Tổng Công ty là “Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia”.
- + Thực hiện chuẩn mực đạo đức, triết lý kinh doanh theo 05 tiêu chí “Nhân - Lê - Nghĩa - Trí - Tín”.
- Liệt kê các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).
- + Nâng cao tầm nhìn, nhận thức, bồi dưỡng đạo đức của đội ngũ cán bộ qua tuyên truyền giá trị đạo đức, lối sống của người Đảng viên, học tập đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của CBCNV về văn hóa doanh nghiệp, giá trị cốt lõi của Văn hóa EVNGENCO 3 với những cam kết thực tiễn: (1) Cam kết với cấp trên: Phát điện “An toàn, liên tục, kinh tế”; (2) cam kết với NLĐ: “NLĐ là tài sản quý giá nhất”; (3) Ứng xử nội bộ: “Trên thuận, dưới hòa, tôn trọng lẫn nhau”; (4) ứng xử với đối tác: “Hợp tác cùng phát triển”; ứng xử bên ngoài, quan hệ khách hàng: “Khách hàng là sự tồn tại của chúng tôi”.
- + Tăng cường công tác phân công, phân nhiệm, giao quyền và công tác kiểm tra, giám sát đến từng bộ phận tổ, đội, phòng ban, đơn vị, Tổng Công ty.
- + Tăng cường vai trò của công ty mẹ đối với các đơn vị thành viên trong việc kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện quản lý lao động hiệu quả, có chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm theo quy định.
- + Quy định trách nhiệm khen thưởng, xử lý vi phạm đối với người đứng đầu trong việc tổ chức đánh giá tình hình sử dụng lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt (thực hiện hàng năm); Bổ sung tiêu chí về NSLĐ trong đánh giá hiệu quả hàng năm đối với người đứng đầu.

5. Về quản lý rủi ro

Hướng dẫn về quản trị rủi ro của doanh nghiệp (mô tả tóm tắt nếu có).

6. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

Mô tả chính sách tiền lương, tiền thưởng.

Tiền lương, tiền thưởng của Người lao động và Viên chức quản lý Tổng Công ty được xây dựng theo quy định tại Nghị định 50/2013/NĐ-CP, Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

BIỂU SỐ 4: BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo - Năm 2014		Năm báo cáo - Năm 2015
			Kế hoạch	Thực hiện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hạng công ty được xếp		Tổng Công ty	Tổng Công ty	Tổng Công ty
II	Tiền lương của lao động				
1	Lao động	Người	1115	960	1254
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	17.045,46	18.475,00	19.584,52
3	Quỹ tiền lương, thưởng an toàn điện	Tr.đồng	256.271,40	236.883,00	337.181,33
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		5.531,15	
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	19.153,32	21.042,89	22.407,05
III	Tiền lương của người quản lý				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	9	9	9
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	27,56	27,56	27,56
3	Quỹ tiền lương, thưởng an toàn điện	Tr.đồng	4.691,203	4.716,581	4.993,398
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	41,333	41,333	41,333
5	Quỹ tiền thưởng			24,00	
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng	4.691,203	4.740,581	4.993,398
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	45,94	45,77	46,24

BIỂU SÓ 5: TÌNH HÌNH SẮP XÉP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Tháo vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sáp xếp, tháo vốn	KH năm tiếp theo	Ghi chú	
					CPH					Các hình thức khác						
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
I	Công ty mẹ Tổng Công ty Phát điện 3				x	Đã xác định giá trị doanh nghiệp							Chi phối		TCT đang trong quá trình CPH được các cấp có thẩm quyền chỉ đạo sát sao, đang bám sát kế hoạch tiến độ để thực hiện đúng mục tiêu	
1	Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)															
2	Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)															
2.1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	x											79,56			
2.2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	x											54,76			
3	Các công ty liên kết(cấp															

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn	Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo										Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sáp nhập, thoái vốn	KH năm tiếp theo	Ghi chú			
				CPH															
				Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt						
	2)																		
3.1	CTCP Thủy điện Thác Bà	x													30				
3.2	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	x													30,55				
3.3	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	x													30				
3.4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	x													2,5				
3.5	CTCP Điện Việt Lào	x													0,65				
3.6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ALSTO M-PMTP	x													15				
II	Các Công ty TNHH MTV do NN làm chủ sở hữu																		
III	Các công ty có vốn góp của NN																		

- Nhận xét, đánh giá công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong năm 2014: Hoàn thành theo nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 của cấp có thẩm quyền giao cũng như hoàn thành tốt các nhiệm vụ Tổng Công ty đề ra.
- Kế hoạch sắp xếp, đổi mới năm 2015 theo Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Thực hiện kế hoạch CPH theo tiến độ; thành lập một số đơn vị thành viên sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015 và các năm tiếp theo: Nâng cao năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực; tham gia thị trường điện có hiệu quả; QLDA chuyên nghiệp; lành mạnh hóa tài chính.

Giải thích:

(1) Tên Công ty: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Từ (2) đến (10) và (12): Đề nghị tích dấu nhân không viết hoa (x) vào các ô tương ứng

(11) Ghi rõ hình thức sắp xếp:

- | | |
|--|--------------------------------|
| - Chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên | - Giao; |
| - Giải thể; | - Bán; |
| - Phá sản; | - Chuyển cơ quan quản lý; |
| - Sáp nhập; | - Các hình thức khác (nếu có). |
| - Hợp nhất; | |

(13) Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn: đề nghị ghi nếu rõ tỷ lệ cụ thể về mức cổ phần, vốn góp của Nhà nước sau khi thực hiện các biện pháp sắp xếp. Trong trường hợp chưa dự kiến được tỷ lệ cụ thể, đề nghị ghi: Năm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc dưới 50% vốn điều lệ...

(14): Ghi rõ hình thức sắp xếp dự kiến:

- | | |
|---|------------------------------------|
| - Giữ nguyên công ty TNHH một thành viên; | - Hợp nhất; |
| - Cổ phần hóa từ 50% vốn điều lệ trở lên; | - Giao; |
| - Cổ phần hóa dưới 50% vốn điều lệ; | - Bán; |
| - Chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên; | - Chuyển cơ quan quản lý; |
| - Giải thể; | - Thoái vốn; |
| - Phá sản; | - Các hình thức khác (ghi cụ thể). |
| - Sáp nhập; | |

Ghi chú: Doanh nghiệp nếu nhận xét, đánh giá công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong năm báo cáo và kế hoạch sắp xếp trong năm liền sau năm báo cáo; dự kiến mức độ hoàn thành về sắp xếp, đổi mới theo Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các giải pháp nhằm đảm bảo kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong năm liền sau năm thực hiện.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)./.

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

(*Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

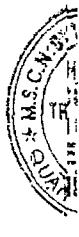
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BÀNG CÂN ĐỒI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40
PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	41



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty phát điện 3 (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với bắc các tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trung Dương	Phó Tổng Giám đốc

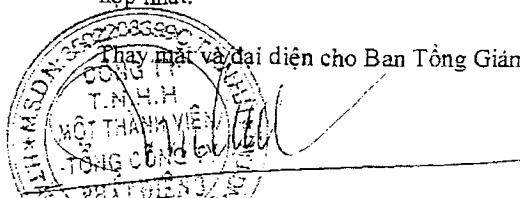
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY

T.N.H.H

MỘT THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY

PHÁT ĐIỆN 3

Trương Quốc Phúc

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 4 năm 2015

Số: 707/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty phát điện 3 (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 08 tháng 4 năm 2015, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 4 đến trang 40. Thông tin bổ sung trang 41 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm về việc trình bày thông tin bổ sung này. Các thông tin này không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") về chênh lệch tỷ giá. Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi nêu trên.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 08 tháng 4 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Định Khuê

Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGÂN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.097.049.811.522	11.158.027.710.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
1. Tiền	111		2.025.941.508.757	1.997.727.128.126
2. Các khoản tương đương tiền	112		235.000.000.000	636.375.901.287
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.059.000.000.000	1.097.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.059.000.000.000	1.097.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.539.717.462.898	5.016.470.380.601
1. Phải thu khách hàng	131		2.618.781.142.072	1.313.788.651.542
2. Trả trước cho người bán	132		2.780.985.365.543	3.150.805.982.478
3. Các khoản phải thu khác	135	7	139.950.955.283	552.031.338.082
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(155.591.501)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.726.204.075.054	1.934.429.803.695
1. Hàng tồn kho	141		1.742.871.275.672	1.941.963.038.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.667.200.618)	(7.533.234.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		511.186.764.813	476.024.496.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.718.738.971	2.199.711.886
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		502.122.174.451	437.279.431.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	5.879.867.559	30.849.566.999
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.465.983.832	5.695.786.753
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		72.070.862.771.867	69.585.982.474.990
I. Tài sản cố định	220		70.236.077.769.971	66.921.775.754.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.274.065.308.969	25.777.614.102.100
- Nguyên giá	222		49.837.446.325.705	59.845.277.713.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.563.381.016.736)	(34.067.663.611.479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	62.754.815.806	42.715.835.116
- Nguyên giá	228		73.975.803.528	65.928.466.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.220.987.722)	(23.212.631.721)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.773.812.144.133	1.639.153.157.302
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	1.267.877.627.539	1.183.948.387.343
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	517.814.589.388	467.814.589.388
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.880.072.794)	(12.609.819.429)
III. Tài sản dài hạn khác	260		60.972.857.763	1.025.053.563.255
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	60.960.857.763	1.024.830.723.255
2. Tài sản dài hạn khác	268		12.000.000	222.840.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		83.167.912.583.389	80.744.010.185.595

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		72.146.126.968.192	67.670.039.587.622
I. Nợ ngắn hạn	310		16.954.186.203.875	18.927.258.344.527
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	7.363.417.058.508	3.964.580.976.599
2. Phải trả người bán	312		8.029.638.826.831	6.781.500.198.941
3. Người mua trả tiền trước	313		228.979.723	619.339.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	191.574.788.057	187.107.927.290
5. Phải trả người lao động	315		193.922.387.301	166.503.064.913
6. Chi phí phải trả	316		50.418.897.483	20.436.886.753
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.029.099.484.625	7.751.007.873.417
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		95.885.781.347	55.502.077.523
II. Nợ dài hạn	330		55.191.940.764.317	48.742.781.243.095
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	55.187.927.260.408	48.736.828.495.581
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	4.013.503.909	5.952.747.514
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.696.381.235.855	12.777.506.072.012
I. Vốn chủ sở hữu	410		10.696.381.235.855	12.777.506.072.012
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	10.487.655.874.046	12.400.642.458.755
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	6.014.917.945	6.014.917.945
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	11.931.846.660	10.047.959.908
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	(810.942.597.255)	(514.824.732.641)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	58.846.248.077	107.795.223.272
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	25.433.701.326	23.462.333.250
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	11.122.267.549	8.910.405.380
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	795.725.549.905	530.880.574.526
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	23	110.593.427.602	204.576.931.617
C. LỢI ÍCH CÔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439	24	325.404.379.342	296.464.525.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		83.167.912.583.389	80.744.010.185.595

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

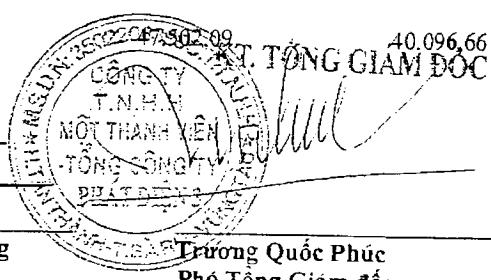
31/12/2014

31/12/2013

- | | |
|---|-------------|
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ ("VND") | 186.078.801 |
| 2. Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD") | |

Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



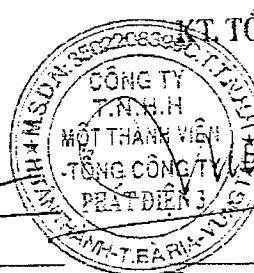
Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013
			2014	2013	
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26	26.647.399.249.865	19.438.976.403.947	
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	24.540.747.492.765	16.535.710.206.184	
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.106.651.757.100	2.903.266.197.763	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	937.974.739.470	1.589.585.416.039	
5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	29	2.419.787.866.831	3.857.091.586.774	
6. Chi phí bán hàng	24		608.952.566	629.922.467	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		233.167.201.120	218.002.181.397	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		391.062.476.053	417.127.923.164	
9. Thu nhập khác	31		53.393.558.698	109.691.044.909	
10. Chi phí khác	32		38.613.219.808	288.947.496.080	
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	30	14.780.338.890	(179.256.451.171)	
12. Phân lợi nhuận trong công ty liên kết	45		197.976.188.196	144.936.760.192	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		603.819.003.139	382.808.232.185	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	84.550.258.174	90.489.279.621	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	9.000.000.000	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		519.268.744.965	283.318.952.564	
16.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	24	47.679.030.490	25.563.465.671	
16.2 Lợi ích của chủ sở hữu Công ty mẹ	62		471.589.714.475	257.755.486.893	



KÝ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	603.819.003.139	382.808.232.185
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.359.851.417.139	3.248.057.013.331
Các khoản dự phòng	03	8.248.627.873	9.679.200.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	422.923.623.328	1.217.622.548.041
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(265.472.476.383)	(300.766.331.080)
Chi phí lãi vay	06	1.167.029.199.623	1.192.918.104.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.296.399.394.719	5.750.318.767.136
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.323.422.375.665)	1.947.764.802.239
Thay đổi hàng tồn kho	10	(177.255.072.470)	134.302.907.265
Thay đổi các khoản phải trả	11	11.063.519.843.055	665.777.170.659
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(65.994.431.288)	1.595.357.241
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.821.761.611.770)	(1.208.804.279.799)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(83.518.534.030)	(91.395.505.197)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.761.531.015	547.914.286
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(59.870.999.406)	(9.701.869.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.830.857.744.160	7.190.405.263.983
II. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(28.076.661.864.467)	(21.906.212.921.043)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.907.277.109	279.692.035
3. Tiền chi gửi ngắn hạn tại ngân hàng	23	(743.000.000.000)	(547.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi ngắn hạn	24	781.000.000.000	326.631.160.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cò tức và lợi nhuận được chia	27	193.685.065.789	137.800.276.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.893.069.521.569)	(21.988.501.792.885)
III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	634.206.300
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.307.992.224.140	19.554.841.510.311
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.554.183.156.068)	(3.041.663.917.794)
4. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(64.769.414.950)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.689.039.653.122	16.513.811.798.817
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50=20+30+40$)	50	(373.172.124.287)	1.715.715.269.915
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.634.103.029.413	-
Tiếp nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	60	-	920.990.949.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.603.631	(2.603.190.329)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70=50+60+61$)	70	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm tiền chi mua hàng tồn kho cho mục đích xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác, tiền chi trả lãi vay trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Tại ngày 01 tháng 11 năm 2014, Tổng Công ty đã chuyển Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bản Chát và Ban Quản lý Dự án Thủy Điện 1 về cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý bằng việc giảm nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản phải thu, hàng tồn kho, chi chí trả trước, các khoản đầu tư dài hạn và các tài sản khác tương ứng, giảm nợ phải trả, giảm các khoản vay và nguồn vốn. Đây là các nghiệp vụ không phải bằng tiền, vì vậy không được trình bày trong báo cáo trên.

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.127.206.914.604 đồng (năm 2013: 8.008.103.214.738 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và 385.945.140.244 đồng (năm 2013: 215.445.889.964 đồng) là chi phí lãi vay đã vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phản thay đổi các khoản phải trả.

KÝ TỔNG GIÁM ĐỐC


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 08 tháng 4 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con, chi tiết như sau:

Công ty mẹ

Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trên cơ sở tổ chức, sáp xếp lại Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Phú Mỹ, các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012. Tuy nhiên, theo hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty sẽ từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ - Công ty TNHH Một Thành Viên - Tổng Công ty Phát Điện 3;
- Các công ty con: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình;
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.646 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.849 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Công ty mẹ còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho lĩnh vực kinh doanh chính.

Công ty con

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là “NBP”):

NBP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011, NBP được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất, mã số doanh nghiệp 2700283389.

Hoạt động chính của NBP là sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “BTP”):

BTP được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ tư và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 ngày 24 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động chính của BTP là sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của chủ sở hữu Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc chi phí theo dự toán hoặc giá trị tài sản tương đương. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc, thiết bị (*)	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	05 - 10

(*) Theo Công văn số 2492/BTC-TCDN ngày 23 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao của Nhà máy điện Phú Mỹ 1”, thời gian khấu hao của máy móc thiết bị được kéo dài thêm 4 năm so với thời gian sử dụng tối đa là 10 năm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định”. Tổng Công ty đã bắt đầu áp dụng khung khấu hao mới cho máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 550/EVN-TCKT ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc “Thời gian trích khấu hao của nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Công văn số 1017/EVN-TCKT ngày 20 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian trích khấu hao đối với một số tài sản cố định hữu hình của các nhà máy điện Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 2.1 mở rộng và Phú Mỹ 4 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Theo đó, chi phí khấu hao năm 2014 của Tổng Công ty tăng lên với số tiền khoảng 268 tỷ đồng.

Tất cả tài sản cố định hiện có của Tổng Công ty (gồm cả tài sản chưa cần dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh hạch toán vào chi phí kinh doanh; khấu hao tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất nhưng không quá 50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm và bản quyền chuyển giao công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính không quá 10 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê

(a) Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(b) Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hay đầu tư góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá vốn trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nguồn vốn - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn do Ngân sách Nhà nước cấp
- Nguồn vốn tự bồi sung từ lợi nhuận kinh doanh được đê lại
- Các nguồn vốn khác

Các quỹ bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ngoại tệ

Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố, riêng đối với các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng công ty chuyển đổi theo tỷ giá mua vào (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 4658/EVN-TCKT ngày 19 tháng 11 năm 2014 về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2014. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với Ban quản lý xây dựng các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và phân bổ vào chi phí; thời gian phân bổ không quá 05 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 sẽ giảm khoảng 1.158 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng khoảng 1.158 tỷ đồng, số dư nợ của khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và số dư nợ của khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 sẽ giảm lần lượt tương ứng là khoảng 965 tỷ đồng và 193 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

500-06
NHÀM
GTY
NNH
TTT
NAM
HỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.015.512.474	2.076.038.861
Tiền gửi ngân hàng	2.024.925.996.283	1.995.651.089.265
Các khoản tương đương tiền	<u>235.000.000.000</u>	<u>636.375.901.287</u>
	<u>2.260.941.508.757</u>	<u>2.634.103.029.413</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. ĐẦU TƯ NGÂN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Công thương- Chi nhánh Ninh Bình	-	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Bà Rịa Vũng tàu	30.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Vũng tàu	79.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bà Rịa	160.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình- Chi nhánh Bà Rịa	60.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	50.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	510.000.000.000	580.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	20.000.000.000	-
	1.059.000.000.000	1.097.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn phản ánh giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực với kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ban quản lý Dự án 300MW	10.745.869.074	11.745.869.074
Chi phí liên quan đến Ban quản lý Thủy điện 5 và Thủy điện 1	-	105.379.090.329
Phải thu liên quan đến việc giải phóng mặt bằng Thủy điện 1	-	22.770.739.769
Phải thu liên đến việc tư vấn quản lý dự án Nhiệt điện 1	3.997.699.440	3.808.875.589
Phải thu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3	-	15.192.122.857
Phải thu từ Hội đồng nghiệm thu Nhà nước	542.703.089	542.703.089
Lãi tiền gửi dự thu	30.800.141.665	24.218.325.098
Cô tức được chia	71.779.948.000	-
Chênh lệch tỷ giá gốc vay của EVN	-	329.981.625.214
Phải thu các khoản thuế đã trả hộ	-	15.109.226.091
Phải thu dự án thủy điện tích năng Bác Ái	6.536.081.726	-
Phải thu khác	15.548.512.289	23.282.760.972
	139.950.955.283	552.031.338.082

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Hàng mua đang di trên đường	-	5.553.478.974
Nguyên liệu, vật liệu	1.582.396.554.349	1.857.258.213.177
Công cụ, dụng cụ	4.576.004.289	9.617.806.243
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.55.219.458.327	69.110.761.468
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, thiết bị gửi đi phục hồi</i>	4.324.245.450	69.004.824.303
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	150.895.212.877	105.937.165
Thành phẩm	392.843.601	259.236.710
Hàng hóa	286.415.106	163.541.732
Công	<u>1.742.871.275.672</u>	<u>1.941.963.038.304</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.667.200.618)	(7.533.234.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.726.204.075.054	1.934.429.803.695

Hàng tồn kho bao gồm giá trị của vật tư, thiết bị sử dụng cho công tác đầu tư xây dựng cơ bản tại các Ban quản lý dự án và giá trị nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế cho các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

12:
HÌNH
NHẬT
LỌC
/P.T

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT DIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CIXHCN Việt Nam

THUỶ ĐIỂM MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là môt bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
MẪU SỐ B 09-DNNH

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật liệu trực VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIA						
Lại ngày 01/12/2014	16.306.839.405.919	40.057.999.519.786	3.410.438.970.834	68.612.130.081	1.787.686.949	59.845.277.713.579
Mua trong năm	424.430.217	9.748.941.032	10.645.612.272	11.324.592.655	2.925.747.226	35.069.323.402
Chuyển (từ đầu tư xây dựng cơ bản	1.643.217.788.370	648.633.621.415	143.391.470.189	-	-	2.415.242.799.974
Tặng sau quyết toán	-	34.677.038.835	421.081.118	1.016.131.720	-	36.114.251.673
Điều chuyển về Tập Đoàn I:VN	(9.898.034.000.000)	(2.546.513.396.546)	(19.873.185.155)	(2.768.794.767)	-	(12.467.189.376.462)
Thanh lý, thương bản	(589.217.727)	(278.177.340)	(1.723.537.000)	(590.675.760)	-	(3.181.607.827)
Phẫu lão sang tài sản cố định và hành	(15.432.516.369)	-	-	-	-	(15.432.516.369)
Giảm khác	(1.141.299.752)	(15.556.699.888)	(457.790.905)	(1.023.471.720)	-	(28.454.262.265)
Tại ngày 31/12/2014	8.025.009.510.668	38.888.710.847.300	3.542.442.621.353	76.569.912.209	4.713.434.175	49.837.446.325.705
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚC KẾT						
Lại ngày 1/1/2014	4.108.551.135.724	28.509.770.922.790	1.408.157.977.707	40.878.052.251	305.523.007	34.067.663.611.479
Khái hao hao (trong năm)	597.723.768.994	2.324.835.927.078	227.994.192.421	6.581.350.229	399.057.627	3.357.534.206.349
Tặng sau quyết toán	5.127.495.120	7.513.811.279	139.611.362	532.969.037	-	13.313.886.798
Điều chuyển về Tập Đoàn I:VN	(605.224.079.229)	(252.708.739.630)	(11.030.665.273)	(2.291.891.159)	-	(871.255.375.291)
Thanh lý, thương bản	(455.471.300)	(278.177.340)	(1.723.537.000)	(590.675.760)	-	(3.047.861.400)
Giảm khác	-	-	(139.611.362)	(674.293.473)	(13.636.164)	(827.541.199)
Tại ngày 31/12/2014	4.105.722.840.369	30.789.133.744.177	1.623.397.967.855	44.435.511.125	690.944.270	36.563.381.016.736
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	3.919.286.661.359	7.399.577.163.123	1.919.044.653.498	32.134.401.084	4.022.489.905	13.274.065.368.969
Tại ngày 31/12/2013	12.198.288.270.205	11.548.228.596.996	2.001.880.993.127	27.734.077.830	1.482.163.912	25.777.614.102.101

Một số tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại Thuỷết minh số 16 và Thuyết minh số 19.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.697.209.139.741 đồng (lại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 687.683.362.123 đồng).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm và bản quyền chuyển giao công nghệ <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	60.185.430.365	5.743.036.472	65.928.466.837
Mua sắm mới	-	769.289.734	769.289.734
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	15.432.516.369	-	15.432.516.369
Giảm khác	(8.154.469.412)	-	(8.154.469.412)
Tại ngày 31/12/2014	67.463.477.322	6.512.326.206	73.975.803.528
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	19.909.973.790	3.302.657.931	23.212.631.721
Khäu hao trong năm	1.247.515.510	768.319.936	2.015.835.446
Giảm khác	(14.007.479.445)	-	(14.007.479.445)
Tại ngày 31/12/2014	7.150.009.855	4.070.977.867	11.220.987.722
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	60.313.467.467	2.441.348.339	62.754.815.806
Tại ngày 31/12/2013	40.275.456.575	2.440.378.541	42.715.835.116

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	56.897.826.322.762	41.096.543.080.292
Dự án nhà máy điện Mông Dương (*)	27.580.942.083.512	15.554.212.853.831
Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (*)	24.575.165.834.062	18.569.989.699.101
Trung tâm điện lực Vĩnh Tân (*)	296.350.737.496	207.710.104.122
Cảng than Vĩnh Tân (*)	3.660.614.342.492	1.823.567.473.514
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (*)	781.915.719.273	39.844.468.387
Thuỷ điện Buôn Kuốp (*)	-	100.436.471.436
Thuỷ điện Buôn Tua Srah (*)	513.929.708	85.228.826.453
Thuỷ điện Srêpôk 3 (*)	1.391.483.995	107.638.591.113
Công trình Thủy điện Bản Chát	-	44.985.835.958
Nhà máy Thủy điện Huội Quảng	-	4.558.295.589.845
Dự án nâng công suất nhà máy điện Phú Mỹ 4	-	577.235.815
Dự án nâng công suất nhà máy điện Phú Mỹ 1	-	573.641.543
Dự án Khu nhà quản lý vận hành và sửa chữa Phú Mỹ 4	-	1.147.839.732
Cải tạo, thay máy biến áp 220/110kV	-	2.313.149.042
Xây dựng nhà Văn phòng 4	6.873.489	-
Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại	925.318.735	-
Khác	-	21.300.400
Chi phí sửa chữa lớn	1.431.322.434	4.902.736.925
Kiểm tra và thay đầu máy biến thế 4T	-	4.326.174.491
Nạo vét kênh dẫn nước làm mát Trung tâm Điện lực Phú Mỹ	576.562.434	576.562.434
Cải tạo hệ thống UPS 1 & 2 GT Phú Mỹ 1	854.760.000	-
	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217

(*) Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bao cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
 Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 2.004.203.192.817 đồng (năm 2013: 1.746.719.468.910 đồng). Trong đó, lãi vay vốn hóa phát sinh ở Công ty Thủy điện Huội Quang Bán Chát với số tiền là 409.021.948.902 đồng đã chuyển về EVN như trình bày ở *Thuyết minh số 1*.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu	79,56%	79,56%	79,56%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Ninh Bình	54,76%	54,76%	54,76%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	287.324.659.967	272.492.500.335
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình	844.393.180.090	797.634.610.005
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	<u>136.159.787.482</u>	<u>113.821.277.003</u>
	<u>1.267.877.627.539</u>	<u>1.183.948.387.343</u>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Yên Bái	30,00%	30,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình	Bình Định	30,55%	30,55%	30,55%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Gia Lai	30,00%	30,00%	30,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	5.817.142.980.563	5.902.167.169.047
Tổng công nợ	1.484.514.626.999	2.003.962.127.833
Tài sản thuần	4.332.628.353.564	3.898.205.041.214
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	<u>1.267.877.627.539</u>	<u>1.183.948.387.343</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu	1.239.231.867.765	911.030.235.626
Lợi nhuận thuần	653.274.709.560	440.400.088.913
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	197.976.188.196	144.936.760.192

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	64.000.000.000	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	108.730.000.000	108.730.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	114.770.927.800	114.770.927.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	83.750.000.000	83.750.000.000
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Năng Lượng Alstom	74.463.661.588	74.463.661.588
Công ty Cổ Phàn Phú Thạnh Mỹ	50.000.000.000	-
	517.814.589.388	467.814.589.388

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bô	21.662.372.749	20.227.628.183
Chi phí chuẩn bị sản xuất các công trình Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpôk 3	38.390.705.559	39.344.780.738
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bô	-	965.177.950.698
Chi phí khác	907.779.455	80.363.636
	60.960.857.763	1.024.830.723.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	400.000.000.000	740.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	140.000.000.000
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	400.000.000.000	100.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	500.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (*)	400.000.000.000	100.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	6.963.417.058.508	3.224.580.976.599
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	122.196.110.116
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	558.596.397.688
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	555.868.753.395
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	-	12.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi Nhánh Thủ Đức	-	55.601.121.858
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	171.560.282.000
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	176.437.098.923
Chi nhánh ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	44.355.661.499	45.405.203.912
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.919.061.397.009	1.526.416.008.707
Trong đó chi tiết theo nguồn vay như sau:		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (**)	264.322.474.356	-
+ Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	178.566.872.188	-
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)	2.650.339.087.218	-
+ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	410.544.127.584	465.952.414.047
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (**)	2.420.998.500.880	-
+ Ngân hàng Thế giới	102.375.067.743	200.240.660.550
+ Vay trái phiếu	528.940.954.246	556.922.791.178
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	184.968.819.854	182.416.616.046
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	133.866.421.152	78.265.299.294
+ Ngân hàng Phát triển Châu Á	10.357.379.153	9.239.450.374
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Trung Quốc	33.781.692.635	33.378.777.218
	7.363.417.058.508	3.964.580.976.599

(*) Khoản vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") với nguồn vốn mà EVN đã vay của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lai theo Hợp đồng vay số 01/2011/EVN-PPC ngày 30 tháng 9 năm 2013. Khoản vay này để đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 3 và Thủy điện Buôn Kuôp. Mức vốn vay là 400.000.000.000 đồng. Thời hạn vay lại của khoản vay này từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 26 tháng 10 năm 2014 và đã được gia hạn. Lãi vay được trả một lần trung với ngày trả nợ gốc, với mức lãi suất vay lại là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng thương mại quốc doanh gồm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng (9,125%/năm) và phí cho vay lại là 0,2%/năm.

(**) Theo công văn số 3036/EVN-TCKT ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và 1768/VPCP-KTTH ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ, đến thời điểm báo cáo tài chính được phát hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các Ngân hàng để thực hiện chuyển giao chủ thể hợp đồng vay vốn sang Tổng Công ty và tái cấu trúc các khoản vay này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

31/12/2014

VND

31/12/2013

VND

Thuế giá trị gia tăng	103.775.837.984	66.660.706.814
Thuế nhà thầu	225.014.607	17.074.956.380
Thuế tài nguyên	15.273.206.150	8.191.573.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.101.530.238	75.853.351.660
Thuế thu nhập cá nhân	2.469.221.638	1.709.204.751
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	11.729.977.440	17.618.134.000
	191.574.788.057	187.107.927.290

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	56.006.423.157	1.243.728.401.564	1.200.638.936.646	99.095.888.075
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	48.381.537	48.381.537	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	56.547.038.334	56.547.038.334	-
Thuế nhà thầu	17.074.956.380	40.184.332.257	57.034.274.030	225.014.607
Thuế tài nguyên	8.191.573.685	258.502.049.912	251.420.417.447	15.273.206.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.834.943.602	84.781.506.483	83.515.528.392	58.100.921.693
Thuế thu nhập cá nhân	532.329.467	15.800.887.006	15.063.303.940	1.269.912.533
Tiền thuê đất	-	7.385.880.680	7.385.880.680	-
Các loại thuế khác	-	427.361.867	427.361.867	-
Phi dịch vụ môi trường	17.618.134.000	62.504.097.020	68.392.253.580	11.729.977.440
Các khoản nộp phạt	-	34.772.741	34.772.741	-
	156.258.360.291	1.769.944.709.401	1.740.508.149.194	185.694.920.498

Trong đó:

- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	<u>30.849.566.999</u>	<u>5.879.867.559</u>
- Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	<u>187.107.927.290</u>	<u>191.574.788.057</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃU SỐ B 09-DN/HN

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Báo lãnh dự thầu	-	377.065.416
Bồi thường, hỗ trợ di dời đường ống dẫn dầu	8.361.211.018	-
Phải trả cho việc xây dựng ngăn kháng điện hạn dòng -		
Công ty Truyền tải Điện 4	10.511.924.733	58.646.976.816
Tạm trích thuế giá trị gia tăng tháng 12 tạm tính	119.531.664.970	146.028.299.250
Kinh phí công đoàn	892.844.403	492.903.943
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	209.659.246	366.736.250
Phải trả khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng đầu tư chưa sử dụng -		
Thủy điện 1	-	18.472.532.485
Phải trả khác liên quan đến tài sản tạm tăng	-	2.825.772.975.032
Công ty Cổ phần Thủy điện Srêpôk 3	613.267.623.287	613.267.623.287
Phải trả cho các khoản chi hộ các chi phí liên quan đến việc mua tài sản	-	115.354.633.583
Trích trước lãi vay của Huội Quảng, Bàn Chát và Buôn Kuôp	3.050.817.721	67.642.565.576
Thuế giá trị gia tăng tiền điện chạy thử nghiệm - BQLDA Vĩnh Tân	97.642.909.847	-
Phải trả hộ cho nhà thầu - BQLDA Vĩnh Tân	3.270.556.026	-
Công trình cai tạo thay MBA 220/110 KV Buôn Kuôp	29.413.591.330	-
Phải trả chi phí văn phòng cho nhà thầu dự án Thái Bình -		
BQLDA Vĩnh Tân	2.899.863.781	2.899.863.781
Phải trả EVN	123.008.936.280	3.890.754.566.930
Phải trả khác	<u>17.037.881.983</u>	<u>10.931.131.068</u>
	<u>1.029.099.484.625</u>	<u>7.751.007.873.417</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

31/12/2014 31/12/2013
VND VND

Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	1.989.483.441.947
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	891.221.087.771	1.045.969.397.761
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	250.394.167.823
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	2.675.715.838.114
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	-	636.636.657.735
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.134.864.479.902	2.433.359.642.776
Ngân hàng TMCP An Bình	-	74.187.201.067
Quỹ hỗ trợ phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu	532.267.937.814	590.267.650.677
Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	50.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.691.000.000.000	-
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	49.888.573.754.921	39.040.814.497.681
+ Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	5.117.897.689.408	6.274.577.170.802
+ Ngân hàng Thế giới	-	100.962.502.496
+ Vay trái phiếu	100.000.000.000	928.940.954.246
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	182.416.630.806
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	312.190.994.907	195.663.248.236
+ Ngân hàng Phát triển Châu Á	16.630.351.357.263	13.822.517.419.769
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	17.681.297.152.368	11.925.124.614.216
+ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	350.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Daklak	774.791.627.761	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	2.169.279.114.960
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	601.605.750.967	2.828.828.149.401
+ Ngân hàng Doanh nghiệp và đầu tư Credit Agricole Việt Nam	465.754.630.410	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	540.518.838.667	-
+ Cơ quan Phát triển Pháp	-	262.504.692.749
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Hàn Quốc	7.664.165.713.170	-
55.187.927.260.408	48.736.828.495.581	

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng trong nước, ngân hàng nước ngoài và một số khoản vay được vay thông qua Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 năm đến 27 năm. Một số khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất LIBOR với thời hạn 6 tháng cộng phí dịch vụ. Một số khoản vay bằng Đồng Việt Nam chịu lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam bình quân 12 tháng trả sau cộng phí dịch vụ. Các khoản vay còn lại có lãi suất cố định từ 2% đến 15,6%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho các dự án điện của Tổng Công ty. Một số khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình và các công trình xây dựng cơ bản dở dang, một số khoản vay được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính.

12500
 HÌNH
 ÔNG
 NHÂN
 LỘT
 ETNA
 TA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	6.963.417.058.508	3.224.580.976.599
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	16.742.180.418.681	19.559.915.270.091
Sau năm năm	<u>38.445.746.841.727</u>	<u>29.176.913.225.490</u>
	<u>62.151.344.318.916</u>	<u>51.961.409.472.180</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay nợ ngắn hạn)	<u>(6.963.417.058.508)</u>	<u>(3.224.580.976.599)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>55.187.927.260.408</u>	<u>48.736.828.495.581</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện chủ yếu khoản thanh toán trước tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom theo hợp đồng cho thuê nhà xưởng đến ngày 04 tháng 10 năm 2032.

21. NGUỒN VỐN KINH DOANH

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2013			
Nhận bàn giao từ EVN	11.810.725.837.899	-	17.721.171.757
Tăng vốn trong năm	<u>(27.302.630.185)</u>	-	-
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	603.635.826.577	-	627.915.000
Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại	1.629.228.421	-	-
Tăng vốn từ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	11.954.196.043	-	-
Điều chỉnh khác	-	7.560.228.689	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	<u>(1.545.310.744)</u>	<u>(8.301.126.849)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.400.642.458.755</u>	<u>6.014.917.945</u>	<u>10.047.959.908</u>
Tăng vốn trong năm	721.596.120	-	-
Chuyển về EVN	<u>(1.913.708.180.829)</u>	-	-
Tăng khác	-	-	1.883.886.752
Tại ngày 31/12/2014	<u>10.487.655.874.046</u>	<u>6.014.917.945</u>	<u>11.931.846.660</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

VND

Tại ngày 01/01/2013	
Tiếp nhận từ EVN	542.992.901.595
Cô tức năm 2012 đã chuyển cho EVN	(61.692.980.404)
Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại	(1.629.228.421)
Lợi nhuận trong năm	257.755.486.893
Chuyển lợi nhuận cho EVN	(92.612.947.400)
Trích các quỹ	(78.978.491.426)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(38.682.443.798)
Tăng khác	3.728.277.487
Tại ngày 31/12/2013	530.880.574.526
Lợi nhuận trong năm	471.589.714.475
Trích quỹ trong năm	(137.247.499.140)
Chuyển về EVN	(74.994.536.564)
Tăng khác	5.564.968.070
Giảm khác	(67.671.462)
Tại ngày 31/12/2014	795.725.549.905

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT HIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON

Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THU YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là môt bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HÓA ĐÓAN VÀ CÁC QUÝ KHÁC

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND
Tai ngày 01/01/2013					
Nhận hàn giao từ EVN	(223.885.108.925)	25.321.886.379	31.996.332.195	5.000.869.603	-
Tăng vốn trong năm	-	(343.846.254)	-	-	808.212.758.194
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	(290.939.623.716)	-	-	-	(603.635.826.577)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-
Thường ban điều hành	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	63.785.550.856	9.863.427.046	(500.000.000)	-
Phân lợi tại	-	18.397.425.991	(18.397.425.991)	6.698.734.947	-
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	634.206.300	-	-	-
Tai ngày 31/12/2013	<u>(514.824.732.641)</u>	<u>107.795.223.272</u>	<u>23.462.333.250</u>	<u>(2.289.199.170)</u>	<u>204.576.931.617</u>
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (ii)	(305.446.494.337)	-	-	-	-
Trích quỹ	-	63.668.107.932	1.971.368.076	2.419.938.094	-
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	(1.883.886.752)	-	-	-
Phân loại lại các quỹ	-	(106.217.495.985)	-	-	-
Giá trị khác	-	(4.515.700.390)	-	106.217.495.985	-
Chuyển về EVN (i)	<u>9.328.629.723</u>	<u>(810.942.597.255)</u>	<u>58.846.248.077</u>	<u>(208.075.925)</u>	<u>(200.201.000.000)</u>
Tai ngày 31/12/2014	<u>110.593.427.602</u>	<u>11.122.267.549</u>	<u>11.122.267.549</u>	<u>110.593.427.602</u>	<u>110.593.427.602</u>

(i) Theo nhu công văn số 1905/EVN-TCKT ngày 19 tháng 5 năm 2014, tập đoàn đã hướng dẫn đơn vị hạch toán quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Thông tư số 220/TT-BTC, cụ thể hạch toán giảm quỹ đầu tư phát triển để tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

(ii) Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm chênh lệch tỷ giá của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thi chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lây kè và phân bổ vào chi phí; thời gian phân bổ không quá 05 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỀU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con NBP và BTP.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Vốn điều lệ của Công ty con	733.511.000.000	733.511.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	551.689.970.000	551.689.970.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	<u>181.821.030.000</u>	<u>181.821.030.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>25%</u>	<u>25%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Tổng tài sản	2.347.316.260.767	2.265.155.253.441
Tổng nợ phải trả	<u>(1.059.103.069.352)</u>	<u>(1.082.259.258.734)</u>
Tài sản thuần	<u>1.288.213.191.415</u>	<u>1.182.895.994.707</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	733.511.000.000	733.511.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.560.228.689	7.560.228.689
Vốn khác của chủ sở hữu	21.789.347.444	18.349.086.757
Các quỹ khác	110.197.142.867	108.297.803.228
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>415.155.472.415</u>	<u>315.177.876.033</u>
 Lợi ích của cổ đông thiểu số	 <u>325.404.379.342</u>	 <u>296.464.525.961</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	181.821.030.000	181.821.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.545.310.744	1.545.310.744
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	9.857.500.784	8.301.126.849
Các quỹ khác	33.735.363.358	36.226.863.307
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>98.445.174.456</u>	<u>68.570.195.061</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	178.581.606.307	86.668.255.569
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>47.679.030.490</u>	<u>25.563.465.671</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃU SỐ B 09-DN/HN

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	26.590.650.368.426	19.407.285.439.002
Doanh thu bán sản phẩm khác	13.813.447.707	16.092.261.859
Dịch vụ khác	<u>42.935.433.732</u>	<u>15.598.703.086</u>
	<u>26.647.399.249.865</u>	<u>19.438.976.403.947</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn tiêu thụ điện	24.491.389.489.749	16.508.124.770.928
Giá vốn sản phẩm khác	12.429.859.989	14.467.079.240
Giá vốn dịch vụ khác	<u>36.928.143.027</u>	<u>13.118.356.016</u>
	<u>24.540.747.492.765</u>	<u>16.535.710.206.184</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	100.148.044.714	122.359.158.629
Cô tức, lợi nhuận được chia	27.200.500.000	5.474.163.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.571.106.537	42.757.875.854
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>796.055.088.219</u>	<u>1.418.994.218.056</u>
	<u>937.974.739.470</u>	<u>1.589.585.416.039</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	1.167.029.199.623	1.192.918.104.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.977.564.763	14.946.897.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>1.221.510.849.080</u>	<u>2.636.616.766.097</u>
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	<u>(729.746.635)</u>	<u>12.609.819.429</u>
	<u>2.419.787.866.831</u>	<u>3.857.091.586.774</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-ĐN/HN

30. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ Ban quản lý dự án Nhà máy điện Thái Bình 2	879.985.650	7.328.955.445
Thu từ thanh lý vật tư, tài sản	15.419.415.480	4.272.712.200
Thu nhập từ vật tư thu hồi của các công trình sửa chữa lớn	-	26.808.099.841
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn	-	27.981.099.330
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.567.846.961	196.432.050
Chi phí đào tạo điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	-	19.953.457.900
Vật tư, thiết bị miễn phí từ nhà thầu	10.700.767.374	9.677.062.192
Chiết khấu giảm 30% của phụ lục hợp đồng 01-13/LTRSA	18.453.836.827	-
Thu khác liên quan đến Buôn Kuốp	-	8.571.043.723
Bán tro xi	2.340.216.300	-
Thu nhập khác	4.031.490.106	4.902.182.228
Tổng	53.393.558.698	109.691.044.909
Chi phí cho Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	879.985.650	7.328.955.537
Giá trị của vật tư, tài sản thanh lý	24.235.119.697	9.059.837.939
Các khoản thuế bị truy thu và nộp phạt	4.231.986.653	228.922.729.719
Chi phí khấu hao khu quản lý vận hành và sửa chữa nhà máy Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 4	57.929.364	20.919.289.285
Điều chỉnh theo biên bản của kiểm toán Nhà nước	-	11.272.336.758
Chi phí khấu hao khu quản lý vận hành các nhà máy diện trên sông Srêpok 3	3.351.276.425	-
Chi tiền phạt vi phạm hợp đồng	135.942.765	148.414.902
Chi phí khác liên quan đến Buôn Kuốp	-	8.292.775.590
Chi phí cho tờ vận tro xi	2.134.542.861	-
Chi phí khác	3.586.436.393	3.003.156.350
Tổng	38.613.219.808	288.947.496.080
Lợi nhuận/(lỗ) khác	14.780.338.890	(179.256.451.171)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	454.436.977.218	382.808.232.185
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(76.143.033.924)	(186.065.410.639)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	<u>5.568.383.382</u>	<u>161.697.448.705</u>
Thu nhập chịu thuế	383.862.326.676	358.440.270.251
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	84.449.711.869	89.610.067.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ các năm trước	100.546.305	879.212.058
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	84.550.258.174	90.489.279.621

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến vấn đề một số Công ty thùy điện trực thuộc Tổng Công ty phải thực hiện công tác trồng rừng thay thế theo Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quy định trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Chưa có bất kỳ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do chưa có cơ sở chắc chắn để ước tính giá trị khoản công nợ này.

33. CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo kế hoạch đầu tư xây dựng, Tổng Công ty sẽ đầu tư khoảng 18.737 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 33.355 tỷ đồng) để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã ký Hợp đồng kinh tế Mua bán khí Nam Côn Sơn số 01-NCS/PV-EVN ngày 15 tháng 10 năm 2001 với thời hạn là 20 năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ trên hợp đồng này. Đối với mỗi năm hợp đồng trong giai đoạn bình ổn và sẽ bắt đầu từ năm hợp đồng thứ 2, lượng khí tiêu thụ hàng năm sẽ bằng 1,85 tỷ mét khối tiêu chuẩn.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Cam kết thuê hoạt động - Tổng Công ty là bên đi thuê

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.937.579.700	4.375.648.700

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	5.965.683.038	5.250.778.410
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.862.732.152	21.003.113.640
Sau năm năm	<u>211.371.180.817</u>	<u>167.657.354.631</u>
	<u>241.199.596.007</u>	<u>193.911.246.681</u>



Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 955.751 m² đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 với số tiền thuê mỗi năm là 5.250.778.400 đồng.

Năm 2014, cam kết thuê hoạt động còn thể hiện thêm số tiền thuê 3 thửa đất với diện tích lần lượt là: 282.066,3 m², 321.884 m² và 96.936,6 m² đất tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013 với số tiền thuê mỗi năm là 1.020 đồng/m²/năm căn cứ trên Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2014 với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

b. Cam kết thuê hoạt động – Tổng Công ty là bên cho thuê

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.270.000.000	390.268.817

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động tương ứng với tiền thuê tối thiểu trong tương lai nhận được từ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom, với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	390.268.817	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.080.000.000	22.316.814.273
Sau năm năm	55.865.833.333	65.575.338.889
	73.336.102.150	87.892.153.162

Tổng Công ty cho thuê hoạt động nhà xưởng với điều kiện không hùy ngang. Bên đi thuê phải thanh toán các khoản tiền thuê cố định căn cứ trên các hợp đồng thuê đã được ký.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	62.551.344.318.916	52.701.409.472.180
Trữ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Nợ thuần	60.290.402.810.159	50.067.306.442.767
Vốn chủ sở hữu	10.696.381.235.855	12.777.506.072.012
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	5,64	3,92

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.758.732.097.355	1.865.664.398.123
Đầu tư tài chính	1.564.934.516.594	1.552.204.769.959
Tổng cộng	6.584.608.122.706	6.051.972.197.495
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	62.551.344.318.916	52.701.409.472.180
Phải trả người bán và phải trả khác	9.058.738.311.456	14.531.648.432.165
Chi phí phải trả	50.418.897.483	20.436.886.753
Tổng cộng	71.660.501.527.855	67.253.494.791.098

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu yếu tố rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền (bao gồm tiền, các khoản phải thu và các tài sản khác) và công nợ bằng tiền (bao gồm các khoản phải trả và các khoản vay) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.025.910.173	1.059.000.577	48.241.416.320.905	30.924.779.310.781
Franc Thụy Sỹ (CHF)	-	-	391.674.789	4.127.776.348
Nhân dân tệ (CNY)	-	-	2.065.788.979.205	2.076.502.197.526
Euro (EUR)	-	-	-	762.722.612
Yên Nhật (JPY)	-	-	5.563.259.108.984	6.740.529.584.849
Won (KRW)	-	-	578.232.839.371	635.672.854.589

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Yên Nhật, Franc Thụy Sỹ, Nhân dân tệ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản như sau:

	2014 VND	2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	(482.403.904.107)	(309.237.203.102)
Franc Thụy Sỹ (CHF)	(3.916.748)	(41.277.763)
Nhân dân tệ (CNY)	(20.657.889.792)	(20.765.021.975)
Euro (EUR)	-	(7.627.226)
Yên Nhật (JPY)	(55.632.591.090)	(67.405.295.848)
Won (KRW)	(5.782.328.394)	(6.356.728.540)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty trong năm sẽ giảm/tăng 79.430.859.048 đồng (năm 2013: 32.233.374.233 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà Tập đoàn Điện lực Việt Nam cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Trên 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.260.941.508.757	-	-	2.260.941.508.757
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.758.732.097.355	-	-	2.758.732.097.355
Đầu tư tài chính	1.059.000.000.000	505.934.516.594	-	1.564.934.516.594
Tổng cộng	6.078.673.606.112	505.934.516.594	-	6.584.608.122.706
31/12/2014				
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	7.363.417.058.508	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727	62.551.344.318.916
Phải trả người bán và phải trả khác	9.058.738.311.456	-	-	9.058.738.311.456
Chí phí phải trả	50.418.897.483	-	-	50.418.897.483
Tổng cộng	16.472.574.267.447	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727	71.660.501.527.855
Chênh lệch thanh khoản thuần	(10.393.900.661.335)	(16.236.245.902.087)	(38.445.746.841.727)	(65.075.893.405.149)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.634.103.029.413	-	-	2.634.103.029.413
Phải thu khách hàng và phải trả khác	1.865.664.398.123	-	-	1.865.664.398.123
Đầu tư tài chính	1.097.000.000.000	455.204.769.959	-	1.552.204.769.959
Tổng cộng	5.596.767.427.536	455.204.769.959	-	6.051.972.197.495
31/12/2013				
Các khoản vay	3.964.580.976.599	19.559.915.270.091	29.176.913.225.490	52.701.409.472.180
Phải trả người hàn và phải trả khác	14.531.648.432.165	-	-	14.531.648.432.165
Chi phí phải trả	20.436.886.753	-	-	20.436.886.753
Tổng cộng	18.516.666.295.517	19.559.915.270.091	29.176.913.225.490	67.253.494.791.098
Chênh lệch thanh khoản thuần	(12.919.898.867.981)	(19.104.710.500.132)	(29.176.913.225.490)	(61.201.522.593.603)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, các khoản phải trả và các khoản vay chủ yếu phát sinh từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng EVN vẫn tiếp tục duy trì các khoản phải trả và các khoản vay này. Do đó, Tổng Công ty không bị áp lực về mặt đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỚC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 Công ty Mua bán Điện
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
 Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 Trung tâm Thí nghiệm Điện -
 Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
 Tổng Công ty Truyền tải Điện
 Công ty Truyền tải Điện 3
 Trung tâm Công nghệ Thông tin
 Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3
 Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam
 Công ty TNHH Thi Nghiệm điện miền Trung
 Công ty TNHH Thi Nghiệm điện miền Bắc
 Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình
 Tổng Công ty Truyền tải Điện

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn

N125
 CHI N
 CÔN
 H NHIN
 ELC
 IET
 TP.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán Điện	26.590.179.208.930	19.405.902.929.165
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	<u>996.768.229</u>	<u>7.354.526.452</u>
Mua điện		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	<u>126.708.801.946</u>	<u>36.957.785.755</u>
Mua dịch vụ		
Trung tâm Thí nghiệm Điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.608.067.591	765.746.632
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc	1.421.953.542	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100.870.163.910	1.194.956.818
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	9.794.839.671	1.026.089.776
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	3.491.306.897	-
Trung tâm công nghệ thông tin	<u>2.030.929.461</u>	<u>-</u>
Khác - thu lãi tiền gửi		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	<u>31.397.388.889</u>	<u>72.546.666.667</u>
Khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lợi nhuận chuyển về EVN	70.451.992.374	154.707.932.100
Lãi vay	3.084.129.688.727	2.914.102.604.180
Vay trong năm	22.867.232.159.952	19.407.162.869.243
Thanh toán vay trong năm	<u>3.204.395.996.594</u>	<u>2.887.860.150.884</u>
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	<u>3.701.423.055</u>	<u>-</u>

500.0
NHẬP
NG T
HẾM H
CITY
T MA
P.HÓ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN - TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

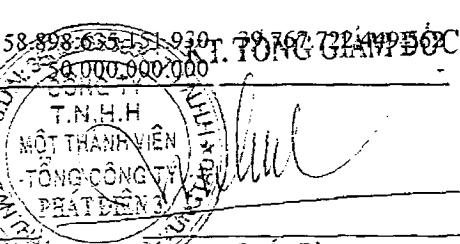
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Mua bán Điện	2.609.442.240.384	1.299.061.294.701
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	<u>-</u>	4.495.020.000
Các khoản trả trước		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	124.579.240.292	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	24.179.369.227	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	<u>1.170.507.780</u>	<u>-</u>
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	330.593.637.656
Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	147.814.634	-
Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - lãi tiền gửi	<u>9.243.500.000</u>	<u>11.729.166.667</u>
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - tiền gửi có kỳ hạn	<u>510.000.000.000</u>	<u>580.000.000.000</u>
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	953.294.760	3.059.381.354
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	323.800.802	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	499.925.627
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	600.719.050
Công ty Truyền tải Điện 3	63.020.000	-
Trung tâm công nghệ thông tin	993.639.761	-
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Trung	968.187.533	-
Trung tâm Thí nghiệm Điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	<u>654.025.522</u>	<u>840.069.912</u>
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	123.008.936.280	3.887.695.185.576
Tổng Công ty Truyền tải Điện	<u>10.582.688.799</u>	<u>58.717.740.882</u>
Các khoản vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.893.635.21.930	58.893.635.21.930
Tổng Công ty Truyền tải Điện	350.000.000.000	350.000.000.000

Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 08 tháng 4 năm 2015

PHỤ LỤC SỐ 5

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ 06 THÁNG CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHD&T ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GENCO 3-KH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2015

Báo cáo đã được Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty thông qua tại Văn bản số.....ngày.....

I. Các Quyết định của Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu đối với Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước:

BIỂU SÓ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Số	Quyết định	Ngày	Nội dung
1	05/QĐ-EVN	15/01/2015	QĐ Ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo CPH Công ty mẹ - EVNGENCO3
2	150/CT-EVN	15/01/2015	Chỉ thị về triển khai thực hiện kế hoạch năm 2015
3	09/NQ-HĐTV	16/01/2015	Nghị quyết về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của các TCT thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
4	19/QĐ-EVN	20/01/2015	QĐ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 4-Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 2
5	20/QĐ-EVN	20/01/2015	QĐ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 5 - Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4
6	23/QĐ-EVN	23/01/2015	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch, tiến độ CPH Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
7	62/QĐ-EVN	18/3/2015	Quyết định: Về việc thành lập ban chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của EVN giai đoạn 2016-2020
8	130/NQ-HĐTV	24/4/2015	Nghị quyết HĐTV EVN phiên họp thứ 5-2015
9	1832/CT-EVN	18/05/2015	Chỉ thị V/v Triển khai nhiệm vụ công tác tài chính và tối ưu hóa chi phí năm 2015

II. Hoạt động của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty:

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty:

Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc trong kỳ ảnh hưởng đến doanh nghiệp như các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nếu có Quyết định/Nghị quyết và tóm tắt nội dung Quyết định/Nghị quyết).

BIỂU SỐ 2: THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

Số thứ tự	Thành viên HĐTV/Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch Tổng Công ty	21	0	0	21/21 (6 tháng đầu năm 2015)

1. Hoạt động giám sát của HĐTV/Chủ tịch công ty đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):
 - Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNGENCO 3.
 - Hàng năm, yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo Chủ tịch về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3.
 - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và năm, yêu cầu Tổng giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản về đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh trong kỳ tới của EVNGENCO 3 cho Chủ tịch.
 - Yêu cầu Tổng giám đốc trình Chủ tịch để Chủ tịch trình EVN thông qua báo cáo tài chính năm của EVNGENCO3 và báo cáo tài chính hợp nhất của EVNGENCO3.
 - Hàng tháng chủ trì họp Ban Lãnh đạo để kiểm soát tình hình hoạt động của Tổng Công ty và có biện pháp khắc phục kịp thời.
 - Ra các quyết định, thông báo, kết luận và chỉ thị để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và kiểm soát việc thực các quyết định, thông báo, kết luận và chỉ thị đó.
2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty:
 - Đề xuất, tham mưu cho Chủ tịch nội dung các công việc do Tổng giám đốc trình Chủ tịch xem xét, quyết định.
 - Chủ trì công tác quản lý vốn của Tổng Công ty tại các Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty.
 - Tổng hợp và chuẩn bị nội dung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác, các nghị quyết, quyết định và các mặt hoạt động hàng năm của Chủ tịch để trình Chủ tịch thông qua.
 - Kiểm soát toàn bộ các nội dung Chủ tịch đã chỉ đạo (theo quyết định, nghị quyết, thông báo, kết luận, chỉ thị).
 - Kiểm soát các mặt hoạt động của Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty, người được Tổng Công ty cử tham gia thành viên Ban kiểm soát; đồng thời thông qua Người đại diện và thành viên Ban kiểm soát để kiểm soát tình hình hoạt động SXKD, ĐTXD, việc bảo toàn vốn đầu tư của Tổng Công ty tại các CTCP có vốn góp của Tổng Công ty: CTCP Nhiệt điện Bà Rịa, CTCP Nhiệt điện Ninh Bình, CTCP Thủy điện Thác Bà, CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A.
 - Kiểm soát theo chuyên đề về công tác lựa chọn nhà thầu phụ Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 & công tác đầu tư xây dựng tại Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân và Ban QLDA Nhiệt điện 1.
3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty:

BIỂU SỐ 3: THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

Số thứ tự	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	62/QĐ-GENCO3	8/01/2015	Quyết định Vv Thông qua đơn hàng số 04-14/LTSA mua vật tư nhập khẩu cho công tác trung tu TM ST26 năm 2015 và dự phòng cho PM4 và PM2.1
2	107/QĐ-GENCO3	13/01/2015	Quyết định về việc Thông qua hợp đồng mua bán Than phục vụ sản xuất điện năm 2015 cho NMNĐ Vĩnh Tân 2

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	155/QĐ-GENCO3	15/01/2015	Quyết định Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng vay vốn trong nước và các hợp đồng liên quan tài trợ cho Dự án Thủy điện Thượng KonTum
4	192/QĐ-GENCO3	16/01/2015	Quyết định Về việc phê duyệt dự toán Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để CPH Tổng Công ty Phát điện 3
5	196/QĐ-GENCO3	16/01/2015	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật Gói thầu "Cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015"
6	286/QĐ-GENCO3	21/01/2015	Quyết định Thông qua ký kết phụ lục chuyển đổi chủ thẻ MHI sang MHPS của hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN ITC&MHI/PHUMY
7	356/NQ-GENCO3	23/01/2015	Nghị quyết Về việc bổ nhiệm cán bộ (Ô. Nguyễn Tiến Thành -PGĐ Cty NMÔ Mông Dương)
8	549/QĐ-GENCO3	4/02/2015	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu-Gói thầu cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015
9	771/QĐ-GENCO3	13/02/2015	QĐ V/v thông qua Đơn hàng số 05-14/LTSA mua vật tư thiết bị chính cho đại tu MXL tổ máy GT 42 năm 2015
10	978/QĐ-GENCO3	6/3/2015	Quyết định:V/v phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 5: Tư vấn thực hiện kế hoạch hành động về môi trường và xã hội phục vụ vay vốn Dự án NMNĐ Vĩnh Tân (giai đoạn 2)
11	987/QĐ-GENCO3	9/3/2015	Quyết định:V/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh-tài chính-dầu tư xây dựng năm 2015 của các đơn vị thành viên EVNGENCO3
12	1105/QĐ-GENCO3	13/3/2015	Quyết định: V/v phê duyệt dự toán chi phí mua than phục vụ sản xuất năm 2015 cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
13	1278/QĐ-GENCO3	25/3/2015	Quyết định: V/v giao kế hoạch SXKD-Tài chính-ĐTXD năm 2015 của TCT
14	1313/QĐ-GENCO3	26/3/2015	Quyết định: V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp than phục vụ sản xuất năm 2015 cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
15	1399/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định:Phê duyệt quyết toán QTL sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2014 của cơ quan TCT
16	1400/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2014 của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
17	1401/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện 10 tháng đầu năm 2014 của Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát
18	1402/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Phòng CBSX NMNĐ Mông Dương 1 thuộc Ban QLDANĐ 1

Số	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
19	1403/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của bộ phận CBSX Nhà máy Thủy điện Huội Quảng
20	1404/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của bộ phận CBSX NMND Vĩnh Tân 2
21	1405/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDA TĐ1
22	1406/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân
23	1407/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDA NĐ 1
24	1450/QĐ-GENCO3	31/3/2015	Quyết định: V/v quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác thực hiện năm 2014 của Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3
25	1544/QĐ-GENCO3	2/4/2015	QĐ: V/v phê duyệt dự toán mua vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
26	1568/QĐ-GENCO3	7/4/2015	Quyết định: Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
27	1569/QĐ-GENCO3	7/4/2015	Quyết định về việc phê duyệt -Gói thầu: Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
28	2142/QĐ-GENCO3	6/5/2015	Quyết định về việc phê duyệt dự toán chi phí nhiên liệu phục vụ SXKD năm 2015-Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1
29	2605/QĐ-GENCO3	28/5/2015	Quyết định về việc thông qua thương thảo gia hạn hợp đồng dài hạn với nhà thầu Siemnes
30	2759/QĐ-GENCO3	4/6/2015	Quyết định về việc thông qua đơn hàng số 01-15/LTTSA thuê chuyên gia cho trung tu TI GT 11- Phú Mỹ 1 năm 2015
31	2760/QĐ-GENCO3	4/6/2015	Quyết định về việc thông qua đơn hàng số 02-15/LTTSA thuê chuyên gia cho trung tu CI GT 12- Phú Mỹ 1 năm 2015
32	2881/QĐ-GENCO3	10/6/2015	Quyết định về việc thông qua trang bị công xa phục vụ công tác tại Tổng Công ty Phát điện 3

III. Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên của doanh nghiệp:

Kiểm soát viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Tổng Công ty Phát điện 3 do Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (HĐTV EVN) bổ nhiệm theo Quyết định số 314, 315 và 316/QĐ-EVN ngày 08/5/2014; được HĐTV EVN giới thiệu và giao nhiệm vụ tại Tổng Công ty Phát điện 3 ngày 04/6/2014. Số lượng Kiểm soát viên 03 (ba) đồng chí, trong đó: 01 (một) đồng chí là Kiểm soát viên chuyên trách phụ trách chung, 02 (hai) đồng chí là kiểm soát viên kiêm nhiệm từ các Ban của Tập đoàn.

Kiểm soát viên hoạt động theo Quy chế về công tác kiểm soát nội bộ ban hành theo Quyết định số 392/QĐ-EVN ngày 16/6/2014 và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 659/QĐ-EVN ngày 06/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

1.1 Kế hoạch kiểm soát

- Kế hoạch kiểm soát năm 2014: do Chủ tịch HĐTV EVN phê duyệt theo Công văn số 466/EVN-HĐTV ngày 07/7/2014 bao gồm các nội dung:
 - + Thường xuyên Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, các Quy định, Quy chế của EVN và thực hiện Điều lệ của Tổng Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2014 của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết;
 - + Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm năm 2014, báo cáo kết quả thẩm định về HĐTV EVN;
 - + Trực tiếp kiểm soát công tác Tài chính kế toán, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, thanh xử lý tài sản, quản lý vật tư thiết bị tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp và tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân.
 - Kế hoạch kiểm soát năm 2015: do Chủ tịch HĐTV EVN ban hành theo Quyết định số 42/QĐ-EVN ngày 13/02/2015 bao gồm các nội dung:
 - + Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước; việc thực hiện các Nghị quyết của HĐTV EVN, Quy chế, Quy định, Chỉ thị của Tập đoàn tại Tổng Công ty trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh; tập trung vào các nội dung: Hệ thống Quy chế nội bộ, tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất lao động;
 - + Trực tiếp kiểm soát công tác Tài chính kế toán khối ngành tại Công ty mẹ Tổng Công ty Phát điện 3;
 - + Trực tiếp thẩm định báo cáo tài chính, quyết toán tiền lương và các báo cáo khác theo quy định;
 - + Trực tiếp kiểm soát công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, sản xuất kinh doanh, quản lý vật tư thiết bị tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1, tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình và Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Phát điện 3 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh;
 - + Kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Công ty Thủy điện Buôn Kuốp và Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân trong đợt kiểm soát năm 2014.

1.2 Kết quả hoạt động giám sát của Kiểm soát viên:

1.2.1 Kết quả hoạt động giám sát 6 tháng cuối năm 2014:

- Tham gia góp ý và xây dựng quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Tổng công ty, thương thảo với Chủ tịch Tổng công ty và trình HĐTV EVN xem xét, phê duyệt và ban hành theo Quyết định số 659/QĐ-EVN ngày 06/10/2014;
- Phân công nhiệm vụ kiểm soát, giám sát cho các Kiểm soát viên trình HĐTV EVN phê duyệt ban hành theo Quyết định số 662/QĐ-EVN ngày 06/10/2014;
- Tham dự các buổi họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Tổng Công ty; tổng kết của các đơn vị thành viên; các buổi họp quan trọng khác của Tổng Công ty và các buổi làm việc của các Đoàn công tác của EVN, của cơ quan quản lý Nhà nước với Tổng Công ty để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch do HĐTV EVN giao và tình hình tuân thủ các quy định của Pháp luật và của EVN;
- Tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát của Tổng công ty đến các Đơn vị thành viên;
- Kiểm tra tình hình thực hiện một số gói thầu mua sắm máy móc, vật tư phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của cơ quan Tổng Công ty. Kết quả Tổng Công ty thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật, của Tập đoàn;
- Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2014, đã báo cáo về Hội đồng thành viên theo Báo cáo số 4477/BC-GENCO3 ngày 29/8/2014.
- Thực hiện Kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐTV, Quy chế, Quy định của Tập đoàn và EVNGENCO 3 tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp (từ ngày 29/9 đến ngày 03/10/2014) và tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân (từ ngày 27/10 đến ngày 31/10/2014) theo Kế hoạch đã được Hội đồng thành viên EVN phê duyệt tại Công văn số 466/EVN-HĐTV ngày 07/7/2014. Đồng thời báo cáo kết quả kiểm soát tại 02 (hai) Đơn vị này về HĐTV EVN và Ban KSNB EVN, đồng gửi Chủ tịch và Tổng Giám đốc Tổng công ty đúng theo quy định;
- Thường xuyên kiểm soát theo dõi việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định, quy chế của EVN và thực hiện điều lệ của Tổng Công ty trong hoạt động SXKD và đầu tư xây dựng năm 2014 của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc, các Công ty con và Công ty liên kết.

- Năm 2014, Tổng Công ty đã tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật và của EVN.

1.2.2 Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2015:

- Dự Hội nghị Tổng kết năm 2014 và triển khai kế hoạch năm 2015 tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam; tại cơ quan Tổng công ty Phát điện 3; tại một số đơn vị thành viên của Tổng công ty Phát điện 3 và tham dự các buổi làm việc của các Đoàn công tác của EVN, của cơ quan quản lý Nhà nước với Tổng Công ty để nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch do HĐTV EVN giao và tình hình tuân thủ các quy định của Pháp luật và của EVN;
- Tổ chức họp Kiểm soát viên phiên thứ nhất năm 2015 vào ngày 04/3/2015 giữa các kiểm soát viên và đại diện lãnh đạo Tổng Công ty; nhằm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kiểm soát và tình hình thực hiện Quy chế kiểm soát do HĐTV EVN ban hành;
- Tham dự buổi làm việc của Đoàn quyết toán lương năm 2014 của Tập đoàn đến làm việc tại cơ quan Tổng công ty Phát điện 3 vào ngày 04/3/2015; đồng chí Đinh Quang Tri làm trưởng đoàn và có sự tham dự của đồng chí Phạm Mạnh Thắng thành viên HĐTV EVN, để nắm bắt tình hình phục vụ công tác thẩm định báo cáo quyết toán lương năm 2014 của Tổng Công ty;
- Tham dự các buổi họp giao ban, các buổi họp của Chủ tịch, của Ban Tổng Giám đốc về kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch cổ phần hóa Tổng công ty; về nhận xét, đánh giá cán bộ năm 2014; về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và các buổi họp quan trọng khác; để nắm bắt tình hình và theo dõi việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và của EVN;
- Thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện các dự án Nhiệt điện Mông Dương 1, Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và tình hình sản xuất kinh doanh của cơ quan Tổng Công ty, các Công ty con và công ty liên kết;
- Thường xuyên kiểm soát, theo dõi việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định, quy chế của EVN và việc thực hiện Điều lệ của Tổng Công ty trong hoạt động SXKD và đầu tư xây dựng năm 2015 của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc, các Công ty con và Công ty liên kết;
- Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014; báo cáo quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2014; báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán; báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3, đồng thời báo cáo kết quả thẩm định về Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn;
- Tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Công ty Thủy điện Buôn Kuốp và Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân trong đợt kiểm soát năm 2014 thông qua báo cáo của các đơn vị. Kết quả các đơn vị đã thực hiện đầy đủ kiến nghị của Kiểm soát viên;
- Thực hiện Kiểm soát công tác Tài chính kế toán ngành của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 theo kế hoạch năm 2015 (có mời Ban Kiểm soát nội bộ EVN tham dự) từ ngày 02 đến ngày 05/6/2015 và đã lập báo cáo kết quả kiểm soát về Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn. Tổng Công ty thực hiện đúng các quy định về công tác Tài chính kế toán;
- Trực tiếp tiến hành kiểm soát công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, sản xuất kinh doanh, quản lý vật tư thiết bị tại ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình (từ ngày 29/6 đến ngày 03/7/2015).

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

BIỂU SỐ 4: THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT/KIỂM SOÁT VIÊN

TT	SỐ BÁO CÁO	NGÀY	NỘI DUNG
I	6 tháng cuối năm 2014 (từ ngày nhận nhiệm vụ):		
1	2884/BC-GENCO3	10/06/2014	Báo cáo phục vụ giao ban công tác kiểm soát 6 tháng đầu năm của Tập đoàn
2	4477/BC-GENCO3	29/08/2014	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3

TT	SỐ BÁO CÁO	NGÀY	NỘI DUNG
3	5265/BC-GENCO3	07/10/2014	Báo cáo kết quả kiểm soát tại Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
4	5337/BC-GENCO3	10/10/2014	Báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm soát viên EVNGENCO3 trong quý 3/2014
5	6496/BC-GENCO3	02/12/2014	Báo cáo kết quả kiểm soát tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân
6	7051/BC-GENCO3	27/12/2014	Báo cáo tổng kết công tác Kiểm soát năm 2014
II	6 tháng đầu năm 2015		
1	1527/BC-GENCO3	31/03/2015	Báo cáo thẩm định quý tiền lương Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 năm 2014
2	1771/BC-GENCO3	17/04/2015	Báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm soát viên EVNGENCO3 quý 1 năm 2015
3	2073/BC-GENCO3	27/04/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
4	2320/BC-GENCO3	15/05/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và phương án phân phối lợi nhuận Tổng Công ty Phát điện 3
5	2321/BC-GENCO3	15/05/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3
6	2870/BC-GENCO3	09/06/2015	Báo cáo kết quả kiểm soát công tác tài chính kế toán khối ngành Tổng Công ty Phát điện 3

IV. Thông tin về các bên có liên quan:

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BIỂU SỐ 5: THÔNG KÊ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Sđt	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)